

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý nhà nước về hội; quỹ xã hội, quỹ từ thiện; công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội

(Tiếp theo Công báo số 261+262)

Phụ lục II

**NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI; QUỸ XÃ HỘI, QUỸ TỪ THIỆN;
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**DANH MỤC MẪU VĂN BẢN ÁP DỤNG CHO QUỸ
VÀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC LIÊN QUAN**
(Kèm theo Quyết định số 817/QĐ-BNV ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Bộ Nội vụ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ
Mẫu số 02	Điều lệ mẫu của quỹ xã hội
Mẫu số 03	Điều lệ mẫu của quỹ từ thiện
Mẫu số 04	Cam kết tài sản đóng góp thành lập quỹ
Mẫu số 05	Biên bản bầu các chức danh Ban sáng lập quỹ
Mẫu số 06	Văn bản đề nghị gia hạn thời gian chuyển quyền sở hữu tài sản đóng góp thành lập quỹ
Mẫu số 07	Đơn đề nghị công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ
Mẫu số 08	Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ trên cơ sở mở rộng phạm vi hoạt động
Mẫu số 09	Thông báo thành lập chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện) của quỹ
Mẫu số 10	Thông báo thành lập chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện) của quỹ
Mẫu số 11	Đơn đề nghị đổi tên quỹ và công nhận Điều lệ quỹ
Mẫu số 12	Đơn đề nghị tách quỹ
Mẫu số 13	Đơn đề nghị chia quỹ
Mẫu số 14	Đơn đề nghị hợp nhất quỹ
Mẫu số 15	Đơn đề nghị sáp nhập quỹ
Mẫu số 16	Đơn đề nghị cho quỹ hoạt động trở lại
Mẫu số 17	Báo cáo quỹ đã khắc phục sai phạm
Mẫu số 18	Báo cáo về tổ chức, hoạt động và tài sản, tài chính của quỹ
Mẫu số 19	Sơ yếu lí lịch cá nhân

Mẫu số 01. Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ¹.....**Kính gửi: ...²...

Ban sáng lập Quỹ ...¹... trân trọng đề nghị ...²... xem xét, quyết định cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ ...¹... như sau:

1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý thành lập Quỹ

a) Sự cần thiết

.....³

b) Cơ sở pháp lý của việc thành lập Quỹ

.....⁴**2. Tài sản đóng góp thành lập Quỹ của các sáng lập viên**.....⁵**3. Dự kiến phương hướng hoạt động trong giai đoạn 5 năm nhiệm kỳ đầu của Quỹ**.....⁶**4. Hồ sơ gửi kèm theo Đơn này gồm:**.....⁷

Thông tin khi cần liên hệ (trường hợp người được Trưởng ban sáng lập ủy quyền thì có giấy ủy quyền kèm theo):

Họ và tên:

.....

Địa chỉ liên lạc:

.....

Số điện thoại:

.....

Đề nghị ...²... xem xét, quyết định cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ¹.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....⁸ ... ngày ... tháng ... năm 20...**TM. BAN SÁNG LẬP****TRƯỞNG BAN***(Chữ ký)***Họ và tên**

Ghi chú:

- ¹ Tên quỹ dự kiến thành lập: tên tiếng Việt, tên tiếng nước ngoài và tên viết tắt (nếu có).
- ² Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ.
- ³ Nêu tóm tắt thực trạng lĩnh vực quỹ dự kiến hoạt động, sự cần thiết thành lập quỹ, tôn chỉ, mục đích của quỹ; kinh nghiệm hoặc những công việc của các sáng lập viên liên quan đến lĩnh vực quỹ dự kiến hoạt động.
- ⁴ Chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan trực tiếp đến lĩnh vực quỹ dự kiến hoạt động.
- ⁵ Tài sản đóng góp thành lập quỹ bao gồm tiền đồng Việt Nam và tài sản quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.
- ⁶ Dự kiến phương hướng hoạt động của quỹ: tổ chức bộ máy; phương án triển khai các hoạt động của quỹ theo từng năm và trong giai đoạn 5 năm đầu của quỹ; xây dựng, ban hành các văn bản triển khai thực hiện điều lệ quỹ.
- ⁷ Đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP (riêng văn bản xác nhận trụ sở của quỹ gồm: hợp đồng cho thuê, cho mượn và các văn bản khác theo quy định của pháp luật).
- ⁸ Địa danh.

Mẫu số 02. Điều lệ mẫu của quỹ xã hội (*).....¹.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐIỀU LỆ (HOẶC ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) QUỸ².....***(Được công nhận kèm theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của...)***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Tên gọi, biểu tượng, trụ sở**

1. Tên gọi:

a) Tên tiếng Việt:.....;

b) Tên tiếng nước ngoài (nếu có)

c) Tên viết tắt (nếu có):

2. Biểu tượng (logo) của Quỹ (nếu có)

3. Trụ sở: số nhà, đường, phố (nếu có)....., xã, phường....., huyện, quận....., tỉnh, thành phố.

4. Số điện thoại: ..., số Fax:..., Email:..., Website (nếu có):

Điều 2. Tôn chỉ mục đíchQuỹ²..... (sau đây gọi tắt là Quỹ) là Quỹ xã hội hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm mục đích³.....**Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý**

1. Quỹ được hình thành từ tài sản đóng góp ban đầu của các sáng lập viên và tăng trưởng tài sản quỹ trên cơ sở vận động tài trợ, vận động quyên góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động theo tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

2. Quỹ được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc:

a) Thành lập và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận;

b) Tự nguyện, tự chủ, tự trang trải kinh phí và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của Quỹ;

c) Tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ được công nhận, chịu sự quản lý nhà nước của⁴..... về ngành, lĩnh vực Quỹ hoạt động;

d) Công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động và thu, chi tài chính, tài sản của Quỹ;

đ) Không phân chia tài sản của Quỹ trong quá trình Quỹ đang hoạt động.

3. Quỹ có phạm vi hoạt động⁵.....

4. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sáng lập viên thành lập Quỹ⁶.....

Chương II**CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ; QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ****Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ**

1. Sử dụng tài sản của Quỹ để hỗ trợ, tài trợ cho các đối tượng, các chương trình, dự án phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.
2. Tiếp nhận và quản lý tài sản được tài trợ, viện trợ theo ủy quyền từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy quyền phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.
3. Tiếp nhận tài sản từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, hiến, tặng hoặc bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật để bảo tồn và tăng trưởng tài sản của Quỹ.

Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ

(Căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định 93/2019/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan và tôn chỉ, mục đích của Quỹ, để quy định cụ thể, phù hợp).

Chương III**TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG****Điều 7. Cơ cấu tổ chức**

1. Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Ban Kiểm soát Quỹ.
3. Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn.
4. Văn phòng đại diện hoặc chi nhánh và các đơn vị trực thuộc (nếu có).

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý quỹ là cơ quan quản lý của quỹ, nhân danh quỹ để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của quỹ; các thành viên phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có án tích. Hội đồng quản lý quỹ có tối thiểu 03 thành viên gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên, không phải là người có quan hệ gia đình, trong đó có tối thiểu 51% số lượng thành viên là công dân Việt Nam. Nhiệm kỳ Hội đồng quản lý quỹ do điều lệ quy định nhưng không quá 05 năm, tính từ ngày có quyết định công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định 93/2019/NĐ-CP.

Hội quản lý quỹ do ban sáng lập đề cử, trường hợp không có đề cử của ban sáng lập, Hội đồng quản lý quỹ nhiệm kỳ trước bầu ra Hội đồng quản lý quỹ nhiệm kỳ tiếp theo. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết nhiệm kỳ, quỹ phải hoàn thành hồ sơ, thủ tục công nhận hội đồng quản lý hợp lệ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận. Hội đồng quản lý quỹ nhiệm kỳ trước điều hành hoạt động của quỹ cho đến khi có quyết định công nhận hội đồng quản lý nhiệm kỳ tiếp theo.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ;

b) Quyết định các giải pháp phát triển Quỹ; thông qua hợp đồng mua, bán tài sản có giá trị từ ... đồng Việt Nam trở lên;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; quyết định thành lập Ban Kiểm soát Quỹ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc Quỹ hoặc ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Quỹ trong trường hợp Giám đốc Quỹ là người do Quỹ thuê; bổ nhiệm Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại Điều lệ Quỹ;

d) Quyết định mức lương, chế độ, chính sách khác (nếu có) đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và người làm việc tại Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật;

đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng tài sản, tài chính quỹ;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

g) Quyết định thành lập pháp nhân trực thuộc Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện Quỹ theo quy định tại Điều 32 Nghị định 93/2019/NĐ-CP;

h) Đổi tên; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;

i) Quyết định việc giải thể, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

k) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng, ban hành: quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của Quỹ; quy định công tác khen thưởng, kỷ luật và giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Quỹ; quy định về thời gian làm việc, việc sử dụng lao động và sử dụng con dấu của Quỹ; quy định cụ thể việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý; quy định cụ thể việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc Quỹ và Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ; các quy định trong nội bộ Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

l) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Điều lệ Quỹ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ ... một lần, có thể họp bất thường theo yêu cầu của ... số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là hợp lệ khi có ... số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham gia;

b) Mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết. Trong trường hợp số thành viên có mặt tại cuộc họp không đầy đủ, người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ xin ý kiến bằng văn bản, ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt có giá trị như ý kiến của thành viên có mặt tại cuộc họp;

c) Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ được thông qua khi có ... thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết tán thành.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ là công dân Việt Nam được Hội đồng quản lý Quỹ bầu và là người đại diện theo pháp luật của Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể kiêm Giám đốc Quỹ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc để lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

đ) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Điều lệ Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ thì phải ghi rõ trong các giấy tờ giao dịch của Quỹ.

5. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 10. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bầu và có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ điều hành các hoạt động của Quỹ theo sự phân công của Hội đồng quản lý Quỹ và thực hiện nhiệm vụ theo sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Giám đốc Quỹ

(Căn cứ quy định tại Điều 28 Nghị định 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 12. Kế toán trưởng của Quỹ

(Căn cứ quy định tại Điều 29 Nghị định 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 13. Ban Kiểm soát Quỹ

- Căn cứ quy định tại Điều 30 Nghị định 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể.

- Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 14. Văn phòng và phòng, ban chuyên môn

Điều 15. Chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị trực thuộc (nếu có)

- Căn cứ quy định tại Điều 32 Nghị định 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quỹ có quyết định thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với trụ sở chính của Quỹ thì Quỹ gửi 01 bộ hồ sơ thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định 93/2019/NĐ-CP và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Quỹ đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

Chương IV**VẬN ĐỘNG QUYÊN GÓP, TIẾP NHẬN TÀI TRỢ, ĐỐI TƯỢNG
VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ****Điều 16. Vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ**

1. Quỹ được vận động quyên góp, vận động tài trợ trong nước và nước ngoài nhằm thực hiện mục đích hoạt động theo quy định của Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản vận động quyên góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước cho Quỹ phải được nộp ngay vào Quỹ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời công khai thông tin qua trang thông tin điện tử của tổ chức (nếu có) để công chúng và các nhà tài trợ có điều kiện kiểm tra, giám sát. Đối với khoản tài trợ có mục đích, mục tiêu phải thực hiện đúng theo yêu cầu của nhà tài trợ.

3. Việc đóng góp hỗ trợ khắc phục khó khăn khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng làm thiệt hại lớn về người và tài sản của nhân dân do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đóng góp theo hướng dẫn của Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 17. Nguyên tắc vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Việc vận động tài trợ, vận động quyên góp tiền, hiện vật, công sức của cá nhân, tổ chức phải trên cơ sở tự nguyện với lòng hảo tâm, Quỹ không tự đặt ra mức huy động đóng góp tối thiểu để buộc cá nhân, tổ chức thực hiện.

2. Việc quyên góp, tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền, hiện vật từ cá nhân, tổ chức đóng góp cho Quỹ phải công khai, minh bạch và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ phải công khai, minh bạch, bao gồm: mục đích vận động quyên góp, tài trợ; kết quả vận động quyên góp, tài trợ; việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

4. Hình thức công khai bao gồm:

a) Niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận quyên góp, tài trợ và nơi nhận cứu trợ, trợ giúp;

b) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

c) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Đối tượng, điều kiện nhận hỗ trợ, tài trợ

(Căn cứ Nghị định 93/2019/NĐ-CP và tôn chỉ, mục đích của Quỹ để quy định đối tượng cụ thể)

Chương V**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN, TÀI CHÍNH****Điều 19. Nguồn thu**

(Căn cứ quy định tại Điều 35 Nghị định 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 20. Sử dụng Quỹ

(Căn cứ quy định tại Điều 36 Nghị định 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 21. Nội dung chi cho hoạt động quản lý Quỹ

(Căn cứ quy định tại Điều 37 Nghị định 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 22. Quản lý tài chính, tài sản của Quỹ

(Căn cứ quy định tại Điều 38 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 23. Xử lý tài sản của Quỹ khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đình chỉ có thời hạn hoạt động và giải thể Quỹ

(Căn cứ Điều 42 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Chương VI**HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, ĐỔI TÊN; ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ QUỸ****Điều 24. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ**

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, Điều 39 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Đình chỉ có thời hạn hoạt động của Quỹ

Việc đình chỉ có thời hạn hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

Điều 26. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định giải thể Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VII**KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT****Điều 27. Khen thưởng**

1. Tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Quỹ sẽ được Hội đồng quản lý Quỹ khen thưởng hoặc được Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thủ tục, thẩm quyền, trình tự xét khen thưởng trong nội bộ Quỹ.

Điều 28. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Quỹ, những người làm việc tại Quỹ vi phạm quy định của Điều lệ này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thủ tục, thẩm quyền trình tự xem xét, quyết định kỷ luật trong nội bộ Quỹ.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được ... thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và phải được ...¹... quyết định công nhận.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Quỹ ...²... có ... Chương, ... Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ...¹... công nhận.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Điều lệ Quỹ đã được công nhận, Hội đồng quản lý Quỹ ...²... có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này.

Ghi chú:

(*) Căn cứ điều kiện cụ thể quỹ có thể bổ sung thêm số điều phù hợp quy định của pháp luật.

¹ Tên cơ quan ban hành quyết định và có thẩm quyền công nhận điều lệ quỹ.

² Tên gọi của quỹ.

³ Căn cứ Điều 3 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan để quy định cụ thể tôn chỉ, mục đích của quỹ cho phù hợp.

⁴ Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của quỹ.

⁵ Toàn quốc hoặc liên tỉnh, trong tỉnh, huyện, xã.

⁶ Ghi rõ thông tin về sáng lập viên: trường hợp sáng lập viên là cá nhân (họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; số và nơi cấp CMND hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu; địa chỉ thường trú, nơi ở hiện nay), trường hợp sáng lập viên là tổ chức (tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, giấy phép hoặc quyết định thành lập và hoạt động; mã số doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - nếu có).

Mẫu số 03. Điều lệ mẫu của quỹ từ thiện (*).....¹.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐIỀU LỆ (HOẶC ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) QUỸ ...²...**
(Được công nhận kèm theo Quyết định số... ngày... tháng... năm ... của ...)**Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Tên gọi, biểu tượng, trụ sở**

1. Tên gọi:
 - a) Tên tiếng Việt:..... ;
 - b) Tên tiếng nước ngoài (nếu có):..... ;
 - c) Tên viết tắt (nếu có):..... ;
2. Biểu tượng (logo) của Quỹ (nếu có):.....
3. Trụ sở: số nhà, đường, phố (nếu có)...., xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố.
4. Số điện thoại: ..., số Fax:..., Email:..., Website (nếu có):.....

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Quỹ ...²... (sau đây gọi tắt là Quỹ) là Quỹ từ thiện hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm mục đích ...³...

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Quỹ được hình thành từ nguồn tài sản đóng góp ban đầu của các sáng lập viên và tăng trưởng tài sản của Quỹ trên cơ sở vận động tài trợ, vận động quyên góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động theo tôn chỉ, mục đích của Quỹ.
2. Quỹ được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc:
 - a) Thành lập và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận;
 - b) Tự nguyện, tự chủ, tự trang trải kinh phí và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của Quỹ;
 - c) Tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ được ...¹... công nhận, chịu sự quản lý nhà nước của ...⁴... về ngành, lĩnh vực Quỹ hoạt động;
 - d) Công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động và thu, chi tài chính, tài sản của Quỹ;
 - đ) Không phân chia tài sản của Quỹ trong quá trình Quỹ đang hoạt động.
3. Quỹ có phạm vi hoạt động ...⁵...
4. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sáng lập viên thành lập Quỹ ...⁶...

Chương II**CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ; QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ****Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ**

1. Sử dụng nguồn tài sản của Quỹ để hỗ trợ, tài trợ cho các đối tượng, các chương trình, dự án phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận và quản lý tài sản được tài trợ, viện trợ theo ủy quyền từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy quyền phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận tài sản từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, hiến, tặng hoặc bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật để bảo tồn và tăng trưởng tài sản của Quỹ.

Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ

(Căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và tôn chỉ, mục đích của Quỹ để quy định cụ thể, phù hợp)

Chương III**TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG****Điều 7. Cơ cấu tổ chức**

1. Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Ban Kiểm soát Quỹ.
3. Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn.
4. Văn phòng đại diện hoặc chi nhánh và các đơn vị trực thuộc (nếu có).

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý quỹ là cơ quan quản lý của quỹ, nhân danh quỹ để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của quỹ; các thành viên phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có án tích. Hội đồng quản lý quỹ có tối thiểu 03 thành viên gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên, không phải là người có quan hệ gia đình, trong đó có tối thiểu 51% số lượng thành viên là công dân Việt Nam. Nhiệm kỳ Hội đồng quản lý quỹ do điều lệ quỹ định nhưng không quá 05 năm, tính từ ngày có quyết định công nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 18 Nghị định 93/2019/NĐ-CP.

Hội quản lý quỹ do ban sáng lập đề cử, trường hợp không có đề cử của ban sáng lập, Hội đồng quản lý quỹ nhiệm kỳ trước bầu ra Hội đồng quản lý quỹ nhiệm kỳ tiếp theo. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết nhiệm kỳ, quỹ phải hoàn thành hồ sơ, thủ tục công nhận hội đồng quản lý hợp lệ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận. Hội đồng quản lý quỹ nhiệm kỳ trước điều hành hoạt động của quỹ cho đến khi có quyết định công nhận hội đồng quản lý nhiệm kỳ tiếp theo.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ;

b) Quyết định các giải pháp phát triển Quỹ; thông qua hợp đồng mua, bán tài sản có giá trị từ ...đồng Việt Nam trở lên;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; quyết định thành lập Ban Kiểm soát Quỹ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc Quỹ hoặc ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Quỹ trong trường hợp Giám đốc Quỹ là người do Quỹ thuê; bổ nhiệm Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại Điều lệ Quỹ;

d) Quyết định mức lương, chế độ, chính sách khác (nếu có) đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý quỹ, Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và người làm việc tại Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật;

đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng tài sản, tài chính Quỹ;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

g) Quyết định thành lập pháp nhân trực thuộc Quỹ theo quy định của pháp luật; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện Quỹ theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP;

h) Đổi tên; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;

i) Quyết định việc giải thể, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

k) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng, ban hành: quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của Quỹ; quy định công tác khen thưởng, kỷ luật và giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Quỹ; quy định về thời gian làm việc, việc sử dụng lao động và sử dụng con dấu của Quỹ; quy định cụ thể việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý; quy định cụ thể việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc Quỹ và Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ; các quy định trong nội bộ Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

l) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Điều lệ Quỹ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ ... một lần, có thể họp bất thường theo yêu cầu của ... số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là hợp lệ khi có ... số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham gia;

b) Mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết. Trong trường hợp số thành viên có mặt tại cuộc họp không đầy đủ, người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ xin ý kiến bằng văn bản, ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt có giá trị như ý kiến của thành viên có mặt tại cuộc họp;

c) Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ được thông qua khi có ... thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết tán thành.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là công dân Việt Nam được Hội đồng quản lý Quỹ bầu và là người đại diện theo pháp luật của Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể kiêm Giám đốc Quỹ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc để lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

đ) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Điều lệ Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ thì phải ghi rõ trong các giấy tờ giao dịch của Quỹ.

5. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 10. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bầu và có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ điều hành các hoạt động của Quỹ theo sự phân công của Hội đồng quản lý Quỹ và thực hiện nhiệm vụ theo sự ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Giám đốc Quỹ

(Căn cứ quy định tại Điều 28 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 12. Kế toán trưởng của Quỹ

(Căn cứ quy định tại Điều 29 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 13. Ban Kiểm soát Quỹ

- Căn cứ quy định tại Điều 30 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể.

- Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 14. Văn phòng và phòng, ban chuyên môn**Điều 15. Chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị trực thuộc (nếu có)**

- Căn cứ quy định tại Điều 32 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quỹ có quyết định thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với trụ sở chính của Quỹ thì Quỹ gửi 01 bộ hồ sơ thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Quỹ đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện.

Chương IV

VẬN ĐỘNG QUYÊN GÓP, TIẾP NHẬN TÀI TRỢ, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

Điều 16. Vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Quỹ được vận động quyên góp, vận động tài trợ trong nước và nước ngoài nhằm thực hiện mục đích hoạt động theo quy định của Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản vận động quyên góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước cho Quỹ phải được nộp ngay vào Quỹ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời công khai thông tin qua trang thông tin điện tử của tổ chức (nếu có) để công chúng và các nhà tài trợ có điều kiện kiểm tra, giám sát.

3. Việc tổ chức vận động đóng góp hỗ trợ khắc phục khó khăn chỉ thực hiện khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng làm thiệt hại lớn về người và tài sản của nhân dân. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định tổ chức vận động đóng góp và thực hiện hỗ trợ theo hướng dẫn của Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

4. Đối với khoản tài trợ, quyên góp, ủng hộ khắc phục hậu quả lũ lụt, thiên tai, cứu trợ khẩn cấp thực hiện chi đầy đủ 100% ngay sau khi nhận được tiền và tài sản. Đối với những khoản tài trợ có mục đích, mục tiêu phải thực hiện đúng theo yêu cầu của nhà tài trợ.

Điều 17. Nguyên tắc vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Việc vận động tài trợ, vận động quyên góp tiền, hiện vật, công sức của cá nhân, tổ chức phải trên cơ sở tự nguyện với lòng hảo tâm, Quỹ không tự đặt ra mức huy động đóng góp tối thiểu để buộc cá nhân, tổ chức thực hiện.

2. Việc quyên góp, tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền, hiện vật từ cá nhân, tổ chức đóng góp cho Quỹ phải công khai, minh bạch và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ phải công khai, minh bạch, bao gồm: mục đích vận động quyên góp, tài trợ; kết quả vận động quyên góp, tài trợ; việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

4. Hình thức công khai bao gồm:

- a) Niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận quyên góp, tài trợ và nơi nhận cứu trợ, trợ giúp;
- b) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;
- c) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Đối tượng, điều kiện nhận hỗ trợ, tài trợ

(Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và tôn chỉ, mục đích của Quỹ để quy định đối tượng cụ thể)

Chương V**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN, TÀI CHÍNH****Điều 19. Nguồn thu**

(Căn cứ Điều 35 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 20. Sử dụng Quỹ

(Căn cứ Điều 36 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 21. Nội dung chi cho hoạt động quản lý Quỹ

(Căn cứ Điều 37 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 22. Quản lý tài chính, tài sản của Quỹ

(Căn cứ Điều 38 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Điều 23. Xử lý tài sản của Quỹ khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đình chỉ có thời hạn hoạt động và giải thể Quỹ

(Căn cứ Điều 42 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP để quy định cụ thể)

Chương VI**HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, ĐỔI TÊN; ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ QUỸ****Điều 24. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ**

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, Điều 39 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Đình chỉ có thời hạn hoạt động của Quỹ

Việc đình chỉ có thời hạn hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

Điều 26. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định giải thể Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VII**KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT****Điều 27. Khen thưởng**

1. Tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Quỹ sẽ được Hội đồng quản lý Quỹ khen thưởng hoặc được Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thủ tục thẩm quyền, trình tự xét khen thưởng trong nội bộ Quỹ.

Điều 28. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Quỹ, những người làm việc tại Quỹ vi phạm quy định của Điều lệ này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thủ tục, thẩm quyền trình tự xem xét, quyết định kỷ luật trong nội bộ Quỹ.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được ... thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và phải được ...¹... quyết định công nhận mới có hiệu lực thi hành.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Quỹ...²... có Chương, ... Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ...¹... công nhận.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Điều lệ Quỹ đã được công nhận, Hội đồng quản lý Quỹ ...²... có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này.

Ghi chú:

(*) Căn cứ điều kiện cụ thể quỹ có thể bổ sung thêm số điều phù hợp quy định của pháp luật.

¹ Tên cơ quan ban hành quyết định và có thẩm quyền công nhận điều lệ quỹ.

² Tên gọi của quỹ.

³ Căn cứ Điều 3 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan để quy định cụ thể tôn chỉ, mục đích của quỹ cho phù hợp.

⁴ Cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của quỹ.

⁵ Toàn quốc hoặc liên tỉnh, trong tỉnh, huyện, xã.

⁶ Ghi rõ thông tin về sáng lập viên: trường hợp sáng lập viên là cá nhân (họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; số và nơi cấp CMND hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu; địa chỉ thường trú, nơi ở hiện nay), trường hợp sáng lập viên là tổ chức (tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, giấy phép hoặc quyết định thành lập và hoạt động; mã số doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - nếu có).

Mẫu số 04. Cam kết tài sản đóng góp thành lập quỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CAM KẾT
Tài sản đóng góp thành lập Quỹ ...¹...

Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật về quỹ có liên quan; Ban Sáng lập Quỹ ...¹... cam kết số tiền và tài sản được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam đóng góp thành lập Quỹ:

1. Tổng giá trị số tiền và tài sản là: đồng
 (bằng chữ:), cụ thể như sau:.....

2. Tiền mặt dự kiến chuyển vào tài khoản của Quỹ sau khi thành lập

Số tiền:..... đồng
 (bằng chữ:).

Ban Sáng lập Quỹ cam kết số tiền và tài sản đóng góp thành lập Quỹ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ...³..., không có tranh chấp và việc cam kết này là hoàn toàn tự nguyện. Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam kết của Ban Sáng lập. Toàn bộ tài sản này sẽ được chuyển quyền sở hữu cho Quỹ ...¹... ngay sau khi có Quyết định cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ theo quy định của pháp luật.

CÁC THÀNH VIÊN
BAN SÁNG LẬP
 (Chữ ký)

...⁴... ngày ... tháng ... năm 20 ...
TRƯỞNG BAN SÁNG LẬP
 (Chữ ký)

Họ và tên

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Tên quỹ dự kiến thành lập.

² Nêu cụ thể số tiền hoặc tài sản quy đổi ra tiền của từng sáng lập viên cam kết đóng góp thành lập quỹ (trong đó số tiền đồng Việt Nam đảm bảo tối thiểu 50% tổng giá trị tài sản đóng góp thành lập quỹ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP).

³ Các sáng lập viên thành lập quỹ hoặc công dân, tổ chức nước ngoài góp tài sản với công dân tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ.

⁴ Địa danh.

* Kèm theo các văn bản chứng minh tài sản đóng góp thành lập quỹ: giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản đóng góp của sáng lập viên, bản xác minh số dư tài khoản ngân hàng của sáng lập viên tại thời điểm gửi hồ sơ thành lập quỹ (trong trường hợp đóng góp bằng tiền mặt).

Mẫu số 05. Biên bản bầu các chức danh Ban sáng lập quỹ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN****Bầu các chức danh Ban sáng lập Quỹ**

Căn cứ quy định pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện, chúng tôi tiến hành tổ chức họp bầu các chức danh Ban sáng lập Quỹ...¹ ..., cụ thể như sau:

Thời gian bắt đầu:.....

Địa điểm:.....

Thành phần tham dự:

.....

Chủ trì (chủ tọa):

.....

Thư ký (người ghi biên bản):

.....

Nội dung (ghi theo diễn biến của cuộc họp)

.....²

Cuộc họp kết thúc vào..... giờ....., ngày tháng năm

THƯ KÝ
(Chữ ký)

CHỦ TỌA
(Chữ ký)

Họ và tên

Họ và tên

Nơi nhận:

-;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

Ghi chú:

¹ Tên quỹ dự kiến đề nghị thành lập.

² Nêu cụ thể tiến trình bầu các chức danh Trưởng ban, Phó trưởng ban và ủy viên của Ban sáng lập quỹ (hình thức biểu quyết, kết quả bầu) và danh sách các chức danh Ban sáng lập quỹ.

Mẫu số 06. Văn bản đề nghị gia hạn thời gian chuyển quyền sở hữu tài sản đóng góp thành lập quỹ.....¹.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../....

...²..., ngày ... tháng ... năm 20...

V/v đề nghị gia hạn thời gian
chuyển quyền sở hữu tài sản đóng
góp thành lập Quỹ

Kính gửi: ...³...

Ngày ... tháng ... năm ..., ...³.. đã có Quyết định cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ...¹...,

Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định pháp luật về quỹ có liên quan; tài sản đóng góp thành lập Quỹ phải được chuyển quyền sở hữu cho Quỹ trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ.

Tuy nhiên,.....⁴.....

Vì các lý do khách quan nêu trên, chúng tôi đề nghị ...³... xem xét, cho phép gia hạn thời gian thực hiện việc chuyển quyền sở hữu tài sản đóng góp thành lập Quỹ đến ...⁵...

Thông tin khi cần liên hệ:

Họ và tên:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

TM. BAN SÁNG LẬP
TRƯỞNG BAN
(Chữ ký)

Họ và tên**Ghi chú:**¹ Tên quỹ đề nghị.² Địa danh.³ Tên cơ quan cơ thẩm quyền cho phép thành lập quỹ.⁴ Nêu cụ thể lý do khách quan dẫn đến việc chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu tài sản.⁵ Ghi rõ ngày, tháng, năm; tối đa không được quá thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

Mẫu số 07. Đơn đề nghị thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thay đổi Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Quỹ...¹...

Kính gửi: ...²...

Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... đề nghị ...²... xem xét, quyết định việc thay đổi Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Quỹ như sau:

1. Một số thông tin cơ bản về Quỹ

.....

2. Lý do đề nghị thay đổi

.....

3. Những nội dung thay đổi

.....

4. Hồ sơ gửi kèm theo đơn này, gồm:

.....³.....

5. Các tài liệu có liên quan (nếu có)

Thông tin khi cần liên hệ:.....

Họ và tên:.....

Địa chỉ liên lạc:..... ; số điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:

...⁴..., ngày ... tháng ... năm 20...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

(Chức vụ, chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Tên quỹ theo quyết định cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.

² Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ.

³ Đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

⁴ Địa danh.

Mẫu số 08. Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ trên cơ sở mở rộng phạm vi hoạt động

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ trên cơ sở mở rộng phạm vi hoạt động của Quỹ ...¹...

Kính gửi: ...²...

Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... đề nghị ...²... xem xét, quyết định cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ trên cơ sở mở rộng phạm vi hoạt động của Quỹ như sau:

1. Một số thông tin cơ bản về Quỹ

.....

2. Lý do xin mở rộng phạm vi hoạt động

.....³.....

3. Hồ sơ gửi kèm theo đơn này, gồm:

.....⁴.....

4. Các tài liệu có liên quan (nếu có)

Thông tin khi cần liên hệ:.....

Họ và tên:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:

...⁵..., ngày ... tháng ... năm 20...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

(Chức vụ, chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Tên quỹ đề nghị được mở rộng phạm vi hoạt động.

² Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép quỹ mở rộng phạm vi hoạt động.

³ Nêu rõ lý do và cụ thể nội dung mở rộng phạm vi hoạt động của quỹ.

⁴ Đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

⁵ Địa danh.

Mẫu số 09. Thông báo thành lập của chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện) của quỹ.....¹.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../.....

...²..., ngày ... tháng ... năm 20...**THÔNG BÁO****Thành lập của chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện) của Quỹ ...¹**

Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... xin thông báo việc thành lập và hoạt động của chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện) của Quỹ tại ...³... như sau:

1. Các thông tin về Quỹ

- Tên Quỹ:.....
- Địa chỉ trụ sở chính của Quỹ:.....
- Tôn chỉ, mục đích của Quỹ:.....
- Lĩnh vực hoạt động chính của Quỹ:.....
- Phạm vi hoạt động của Quỹ:.....

2. Thông tin về chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện) của Quỹ

- Tên gọi chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện):.....
- Địa chỉ chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện):.....
- Phạm vi hoạt động của chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện):.....

3. Thông tin về người đứng đầu chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện)

- Họ và tên:.....
 - Địa chỉ thường trú:.....
 - Số Giấy CMND hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu:.....
- Nơi cấp....., ngày... tháng... năm.....

4. Hồ sơ gửi kèm theo thông báo này, gồm:.....⁴.....**Nơi nhận:**

-;
- Lưu:

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ*(Chức vụ, chữ ký, dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**¹ Tên quỹ theo quyết định cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.² Địa danh.³ Tên địa phương nơi quỹ đặt chi nhánh (hoặc văn phòng đại diện).⁴ Đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

Mẫu số 10. Đơn đề nghị giải thể quỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Giải thể Quỹ...¹...
 Kính gửi:...²...

Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... đã có Nghị quyết về việc giải thể Quỹ.

1. Một số thông tin cơ bản về Quỹ

.....

2. Lý do Quỹ xin tự giải thể

.....

3. Hồ sơ gửi kèm theo đơn này, gồm:

.....³.....

4. Các tài liệu có liên quan (nếu có)

Thông tin khi cần liên hệ:.....

Họ và tên:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số điện thoại:.....

Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... đề nghị ...²... xem xét, quyết định giải thể Quỹ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:.....

...⁴..., ngày ... tháng ... năm 20...
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ
(Chức vụ, chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Tên quỹ đề nghị.

² Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ.

³ Đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP (tại điểm c “Trưởng Ban Kiểm tra” được xác định là “Trưởng Ban Kiểm soát”).

⁴ Địa danh.

Mẫu số 11. Đơn đề nghị đổi tên quỹ và công nhận Điều lệ quỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Đổi tên Quỹ ...¹... thành Quỹ ...²...
 và công nhận Điều lệ Quỹ....².....**

Kính gửi: ...³...

Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... đã có Nghị quyết về việc đổi tên Quỹ...¹... thành Quỹ ...²...

1. Một số thông tin cơ bản về Quỹ

.....

2. Lý do đổi tên

.....

3. Hồ sơ gửi kèm theo đơn này, gồm:

.....⁴.....

4. Các tài liệu có liên quan (nếu có)

Thông tin khi cần liên hệ:.....

Họ và tên:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số điện thoại:.....

Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... đề nghị ...³... xem xét, quyết định cho phép đổi tên Quỹ ...¹... thành Quỹ ...²... và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Quỹ ...²...

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:.....

...⁵..., ngày ... tháng ... năm 20...
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ
(Chức vụ, chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Tên quỹ đề nghị.

² Tên quỹ sau khi đổi.

³ Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ.

⁴ Đảm bảo đầy đủ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

⁵ Địa danh.

Mẫu số 12. Đơn đề nghị tách quỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Tách Quỹ ...¹... thành Quỹ ...¹... và Quỹ ...²...

Kính gửi: ...³....

Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... đã có Nghị quyết về việc tách Quỹ ...¹... thành Quỹ ...¹... và Quỹ ...²...

1. Một số thông tin cơ bản về Quỹ

.....

2. Lý do tách Quỹ

.....

3. Hồ sơ gửi kèm theo đơn này, gồm:

.....⁴.....

4. Các tài liệu có liên quan (nếu có)

Thông tin khi cần liên hệ:.....

Họ và tên:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số điện thoại:.....

Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... đề nghị ...³... xem xét, quyết định cho phép tách Quỹ ...¹... thành Quỹ ...¹... và Quỹ ...²... và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Quỹ ...¹... và Điều lệ của Quỹ ...²...

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:.....

...⁵..., ngày ... tháng ... năm 20...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ
(Chức vụ, chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Tên quỹ đề nghị.

² Tên của quỹ được tách mới.

³ Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ.

⁴ Đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

⁵ Địa danh.

Mẫu số 13. Đơn đề nghị chia quỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Chia Quỹ ...¹... thành Quỹ ...²... và Quỹ ...³...

Kính gửi: ...⁴...

Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... đã có Nghị quyết về việc chia Quỹ ...¹... thành Quỹ ...²... và Quỹ ...³...

1. Một số thông tin cơ bản về Quỹ:

2. Lý do chia Quỹ:

3. Hồ sơ gửi kèm theo Đơn này, gồm:

.....⁵.....

4. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có)

Thông tin khi cần liên hệ:.....

Họ và tên:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số điện thoại:.....

Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... đề nghị ...⁴... xem xét, quyết định cho phép chia Quỹ ...¹... thành Quỹ ...²... và Quỹ ...³... và công nhận Điều lệ của Quỹ ...²... và Quỹ ...³...

Nơi nhận:

- Như trên;

-;

- Lưu:

...⁶..., ngày ... tháng ... năm 20...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

...¹...

(Chức vụ, chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Tên quỹ đề nghị.

^{2,3} Tên quỹ mới sau khi chia.

⁴ Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ.

⁵ Đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

⁶ Địa danh.

Mẫu số 14. Đơn đề nghị hợp nhất quỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hợp nhất Quỹ ...¹... và Quỹ ...²... thành Quỹ ...³...

Kính gửi: ...⁴...

Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... và Quỹ ...²... đã có Nghị quyết về việc hợp nhất hai Quỹ thành Quỹ ...³...

1. Một số thông tin cơ bản về các Quỹ hợp nhất

.....

2. Lý do hợp nhất Quỹ:.....**3. Hồ sơ gửi kèm theo Đơn này, gồm:**

.....⁵.....

4. Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Thông tin khi cần liên hệ:.....

Họ và tên:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số điện thoại:.....

Chúng tôi xin đề nghị ...⁴... xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Quỹ ...¹ và Quỹ ...²... thành Quỹ ...³... và công nhận Điều lệ của Quỹ ...³...

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:.....

...⁶..., ngày ... tháng ... năm 20...
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ...²...
(Chức vụ, chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

^{1 2} Các quỹ đề nghị hợp nhất.

³ Tên quỹ mới sau khi hợp nhất.

⁴ Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ.

⁵ Đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.

⁶ Địa danh.

Mẫu số 15. Đơn đề nghị sáp nhập quỹ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Sáp nhập Quỹ ..¹... vào Quỹ ...²...**Kính gửi: ...³...

Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ ...¹... và Hội đồng quản lý Quỹ ...²... đã có Nghị quyết về việc sáp nhập Quỹ ...¹... vào Quỹ ...²... Hội đồng quản lý Quỹ ...²... xin báo cáo như sau:

1. Một số thông tin cơ bản về các Quỹ

a) Quỹ bị sáp nhập

.....

b) Quỹ được sáp nhập

.....

2. Lý do sáp nhập

.....

3. Hồ sơ gửi kèm theo đơn này, gồm:.....⁴.....**4. Các tài liệu có liên quan (nếu có)**

Thông tin khi cần liên hệ:.....

Họ và tên:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số điện thoại:.....

Chúng tôi xin đề nghị ...³... xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Quỹ ...¹... vào Quỹ ...²... và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Quỹ ...²... sau khi sáp nhập.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:.....

...⁴..., ngày ... tháng ... năm 20...**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ**

(Chức vụ, chữ ký)

Họ và tên**Ghi chú:**¹ Quỹ bị sáp nhập.² Quỹ được sáp nhập.³ Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ.⁴ Đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.⁵ Địa danh.

Mẫu số 16. Đơn đề nghị quỹ được hoạt động trở lại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Quỹ ...¹... được hoạt động trở lại**Kính gửi: ...²...

Ngày ... tháng ... năm ..., ...²... đã có Quyết định số ... ngày... về việc đình chỉ hoạt động 06 tháng đối với Quỹ...¹... Đến nay, Quỹ đã khắc phục được các sai phạm dẫn đến Quỹ bị đình chỉ hoạt động. Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ xin báo cáo như sau:

1. Tóm tắt nội dung sai phạm và kết quả khắc phục các sai phạm của Quỹ

.....

2. Hồ sơ gửi kèm theo đơn này gồm:.....³.....**3. Các tài liệu kèm theo (nếu có)**

Thông tin khi cần liên hệ:.....

Họ và tên:.....

Địa chỉ liên lạc:

Số điện thoại:

Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị ...²... xem xét, quyết định cho phép Quỹ ...¹... được hoạt động trở lại.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:.....

...⁴..., ngày ... tháng ... năm 20...
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ
(Chức vụ, chữ ký)

Họ và tên**Ghi chú:**¹ Tên quỹ đề nghị.² Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ.³ Đảm bảo đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP.⁴ Địa danh.

Mẫu số 17. Báo cáo quỹ đã khắc phục sai phạm.....¹.....
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

...²..., ngày ... tháng năm 20...**BÁO CÁO****Quỹ ...¹... đã khắc phục sai phạm**

Ngày ... tháng ... năm ..., ...³... đã có Quyết định số ...⁴... đình chỉ hoạt động 06 tháng đối với Quỹ ...¹... Đến nay, Quỹ đã khắc phục được các sai phạm. Căn cứ Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và quy định của pháp luật có liên quan; Hội đồng quản lý Quỹ xin báo cáo như sau:

1. Nội dung sai phạm của Quỹ

.....

2. Kết quả khắc phục sai phạm của Quỹ

.....

Trên đây là nội dung báo cáo việc Quỹ đã khắc phục các sai phạm dẫn đến Quỹ bị đình chỉ có thời hạn hoạt động.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: ...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ
(Chức vụ, chữ ký)**Họ và tên****Ghi chú:**¹ Tên quỹ báo cáo.² Địa danh.³ Tên cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập.⁴ Ghi rõ số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành quyết định.

Mẫu số 18. Báo cáo về tổ chức hoạt động của quỹ.....¹.....
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

...²..., ngày ... tháng ... năm 20...³...**BÁO CÁO****Về tổ chức, hoạt động và tài sản, tài chính năm ...****1. Những hoạt động của Quỹ**.....⁴.....

Trường hợp Quỹ (bao gồm tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Quỹ) nhận nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về mục đích, kế hoạch sử dụng trước khi thực hiện và kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ các thông tin về hoạt động, kết quả thực hiện các khoản viện trợ nước ngoài (được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt), hợp đồng dịch vụ hoặc thỏa thuận hợp tác với nước ngoài (không thực hiện phê duyệt) thông tin về nhà tài trợ; thông tin đối tác trực tiếp, thực hiện tài trợ.

2. Về tổ chức của Quỹ.....⁵.....**3. Về tài sản, tài chính của Quỹ****a) Tài sản của Quỹ**.....⁶.....**b) Nguồn thu của Quỹ (đồng Việt Nam)**

.....

- Kinh phí năm trước chuyển sang

.....

- Số thu phát sinh trong năm

.....

Trong đó:**+ Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước:**

.....

+ Thu từ đóng góp tự nguyện, tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài:

.....

+ Thu từ các nguồn khác

.....

- Tổng thu trong năm

.....
c) Các nội dung chi của Quỹ (đồng Việt Nam)

- Chi cho các hoạt động của Quỹ

.....
- Chi hoạt động quản lý Quỹ

.....
- Tổng chi trong năm

.....
4. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

Nơi nhận:

-⁷.....;

- Lưu:

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

(Chức vụ, chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú

¹ Tên quỹ báo cáo.

² Địa danh.

³ Thời hạn quỹ báo cáo tổ chức, hoạt động và tài chính với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của quỹ trước ngày 31/3 hàng năm.

⁴ Những hoạt động nổi bật của quỹ, việc chấp hành pháp luật và thực hiện điều lệ quỹ.

⁵ Việc kiện toàn tổ chức của quỹ, số người làm việc tại quỹ; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, những người giữ chức danh quản lý quỹ; việc xây dựng, ban hành và thực hiện các quy chế hoạt động của quỹ; chi nhánh hoặc văn phòng đại diện và pháp nhân trực thuộc quỹ (nếu có).

⁶ Trụ sở, phương tiện, trang thiết bị phục vụ hoạt động của quỹ; tăng, giảm so năm trước.

⁷ Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của quỹ.

Mẫu số 19. Sơ yếu lý lịch cá nhân**SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁ NHÂN**

ảnh màu
(4 X 6
cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):.....
- 2) Tên gọi khác:.....
- 3) Sinh ngày:.....tháng.... năm..., Giới tính (nam, nữ):.....
- 4) Nơi sinh: Xã.....Huyện....., Tỉnh.....
- 5) Quê quán: Xã....., Huyện....., Tỉnh.....
- 6) Dân tộc:....., 7) Tôn giáo:
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp công tác:
- 11) Ngày tuyển dụng:...../...../....., Cơ quan tuyển dụng:.....
- 12) Chức vụ (chức danh) hiện tại: Ngày tháng năm bổ nhiệm:
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
- 13) Công việc chính được giao:
- 14) Ngạch công chức (viên chức) nếu có:..... Ngày tháng năm bổ nhiệm ngạch:.....,
Mã ngạch:.....
Bậc lương:....., Hệ số:....., Ngày hưởng:/...../....., Phụ cấp chức
vụ:....., Phụ cấp khác:.....
- 15.1-Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):.....
- 15.2-Trình độ chuyên môn cao nhất:.....
(TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
- 15.3-Lý luận chính trị:.....(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương);
- 15.4-Quản lý nhà nước:.....(Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán
sự,)
- 15.5-Ngoại ngữ:.....15.6-Tin học:.....
(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...) (Trình độ A, B, C,...)
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt nam:...../...../....., Ngày chính thức:...../...../.....
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:.....
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,... và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ:...../...../....., Ngày xuất ngũ:...../...../....., Quân hàm cao nhất:.....
- 19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất:.....

(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang; nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân và ưu tú,...)

20) Sở trường công tác:.....

21) Khen thưởng:....., 22) Kỷ luật:.....

(Hình thức cao nhất, năm nào) (về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào)

23) Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao..., Cân nặng: ...kg, Nhóm máu:.....

24) Là thương binh hạng:...../....., Là con gia đình chính sách:.....

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam Dioxin)

25) Số chứng minh nhân dân:..... Ngày cấp:...../...../.....

26) Số sổ BHXH (nếu có):.....

27) Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm - Đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
.....		/..... -		
.....		/.....		
.....		/.....-		
.....		/.....		

Ghi chú: Hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng .../Văn bằng: TSKH, TS, Ths, Cử nhân, Kỹ sư ...

28) Tóm tắt Quá trình công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,...
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

29) Đặc điểm lịch sử bản thân:

- Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì ? Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc ...)

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở trong nước (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu ...?):....

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu ...?):....

- Có thân nhân (Cha, Mẹ, Vợ, Chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ ...) ?

30) Quan hệ gia đình

a) Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), anh chị em ruột, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu theo quy định pháp luật

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội... ?
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

b) Về bên vợ (hoặc chồng): Cha, Mẹ, anh chị em ruột

[illegible]

31) Diễn biến quá trình lương của cá nhân (nếu có)

Tháng/năm									
Mã ngạch/bậc									
Hệ số lương									

32) Nhận xét, đánh giá của cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng người khai

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự
thật, nếu có điều gì không đúng Tôi xin chịu trách
nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

III. LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Thủ tục thi tuyển công chức (QT-16)

1	Mục đích: Quy định về trình tự và cách thức thực hiện thủ tục thi tuyển công chức thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
2	Phạm vi: Các tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục thi tuyển công chức thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý: - Luật số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008 Luật Cán bộ, công chức; - Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; - Quyết định số 35/2020/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung điều 4 Quyết định số 26/2018/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ thí điểm thành lập Đội quản lý Trật tự xây dựng đô thị trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, tại thành phố Hà Nội; - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

	- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và văn bản pháp luật hiện hành; - Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; các Thông tư của các Bộ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành; - Quyết định số 785/QĐ-BNV ngày 06/11/2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Công chức, viên chức quy định tại Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; - Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; - Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Hà Nội; Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nội vụ thành phố Hà Nội thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính lĩnh vực nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; - Các văn bản hiện hành có liên quan đến Đề án vị trí việc làm; giao biên chế công của các cơ quan.		
3.2	Thành phần hồ sơ:	Bản chính	Bản sao
	Giai đoạn 1 (<i>Dự tuyển</i>): Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu tại Nghị định 116/2024/NĐ-CP.	x	

	Giai đoạn 2 (Sau khi trúng tuyển): Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng (theo Điều 16 Nghị định 138/2020/NĐ-CP; được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 116/2024/NĐ-CP).	x	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ/1 giai đoạn.		
3.4	Thời gian xử lý: 142 ngày làm việc kể từ khi nhận phiếu đăng ký dự tuyển hợp lệ (thời điểm tính từ ngày kết thúc thời hạn nhận phiếu đăng ký dự tuyển)		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Giai đoạn 1: Tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển - Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội, địa chỉ: Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Cầu Giấy, số 85 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. - Cách 2: Qua hệ thống bưu chính: Nơi tiếp nhận đối với hồ sơ gửi qua bưu chính, địa chỉ: Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Cầu Giấy, số 85 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. - Cách 3: Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố Hà Nội (dichvucong.hanoi.gov.vn). - Giai đoạn 2: Nộp hồ sơ của người trúng tuyển Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Nội vụ Hà Nội. Trả kết quả sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Nội vụ Hà Nội hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích		
3.6	Lệ phí: a) Phí dự tuyển - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh; - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh. b) Phí phúc khảo bài thi: 150.000 đồng/bài thi		

3.7 Quy trình xử lý công việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển công chức (30 ngày)			

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	- Thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng: Báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Nội vụ, cơ quan có chỉ tiêu tuyển dụng (<i>chậm nhất 7 ngày sau ngày Quyết định phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng có hiệu lực</i>).	Sở Nội vụ (<i>Phòng TDQLĐTBD</i>) và cơ quan có chỉ tiêu tuyển dụng	30 ngày	- Thông báo tuyển dụng theo Điều 13, Nghị định số 116/2024/NĐ-CP; - Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01, Phụ lục kèm theo Nghị định số 116/2024/NĐ-CP
	- Tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển (<i>Bộ phận một cửa có trách nhiệm bàn giao cho Ban Kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển vào cuối mỗi ngày</i>)	Bộ phận một cửa Sở Nội vụ		
B2	Thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức và các ban giúp việc của Hội đồng (15 ngày)			
	- Thành lập Hội đồng tuyển dụng (<i>sau khi có thông báo tuyển dụng</i>)	Giám đốc Sở Nội vụ	01 ngày	Quyết định
	- Thành lập các bộ phận giúp việc của Hội đồng: + Đối với Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển (<i>chậm nhất 05 ngày kể từ ngày thành lập Hội đồng</i>) + <i>Thành lập các Ban đề thi (nếu cần thiết); Ban coi thi; Ban phách; Ban chấm thi; Ban chấm phúc khảo; Ban kiểm tra, sát hạch; tổ thư ký giúp việc Hội đồng (nếu</i>	Chủ tịch Hội đồng		Quyết định

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	<i>cần thiết</i>); <i>Tổ in sao đề thi (nếu cần thiết)</i> trước khi thực hiện nhiệm vụ của từng Ban.			
	- Ban kiểm tra phiếu dự tuyển tổ chức tổng hợp kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển: Đủ tiêu chuẩn, điều kiện và không đủ điều kiện, tiêu chuẩn. - Thông báo danh sách người đủ điều kiện và không đủ điều kiện dự tuyển sau khi kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký;	Ban Kiểm tra phiếu dự tuyển; Hội đồng tuyển dụng	Chậm nhất 15 ngày kể từ khi hết thời hạn nhận phiếu	Biên bản kiểm tra phiếu dự tuyển; Thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn và không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi;
	- Sau khi có danh sách người đủ điều kiện dự tuyển, tiến hành thu phí dự tuyển	Bộ phận một cửa Sở Nội vụ	Trước kỳ thi	Theo quy định
B3	Tổ chức thi tuyển công chức			
	- Thông báo danh sách, triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển vòng 1: Đăng tải trên trang/cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Nội vụ cơ quan Thường trực Hội đồng tuyển dụng; gửi Email hoặc tin nhắn qua điện thoại... đối với người dự tuyển	Hội đồng tuyển dụng	15 ngày	Thông báo danh sách triệu tập
	- Ban đề thi tổ chức xây dựng đề thi hoặc Hội đồng tuyển dụng hợp đồng xây dựng đề thi vòng 1 (<i>xong trước ngày thi</i>); Hướng dẫn thi trên máy tính.	Ban đề thi (nếu ra đề thi), Hội đồng tuyển dụng		Đề thi được niêm phong bảo mật theo quy định

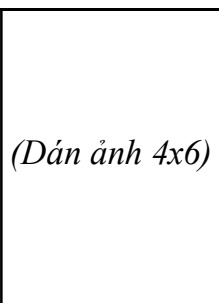
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	- Chuẩn bị đề thi trắc nghiệm trên máy tính theo quy định (<i>trước ngày thi ít nhất 01 ngày</i>)	Hội đồng tuyển dụng; Ban Đề thi (nếu ra đề thi)		Hệ thống máy tính có đề thi được niêm phong và bảo mật theo quy định
	- Khai mạc kỳ thi; học tập quy chế, nội quy thi	Hội đồng tuyển dụng		Theo quy định
	- Vòng 1: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính (<i>chậm nhất là 30 ngày hoặc chậm nhất 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định tại Nghị định 116/2024/NDD-CP</i>)	Ban coi thi		Thông báo danh sách kết quả thi vòng 1
	- Thông báo triệu tập thí sinh vòng 2 (<i>sau khi có kết quả vòng 1</i>)	Hội đồng tuyển dụng		Thông báo danh sách thí sinh vòng 2
	- Ban Đề thi tổ chức xây dựng đề thi, hướng dẫn chấm, đáp án hoặc Hội đồng tuyển dụng hợp đồng xây dựng đề thi, hướng dẫn chấm, đáp án vòng 2 (<i>xong trước ngày thi vòng 2</i>)	Ban đề thi, Hội đồng tuyển dụng		Đề thi, hướng dẫn chấm và đáp án được niêm phong, bảo mật theo quy định
	- Ban đề thi tiến hành nhân bản đề thi trước ngày thi (<i>quá trình thực hiện được bảo vệ, cách ly và bảo mật theo quy định</i>)			Túi đề thi được niêm phong, bảo mật theo quy định
	- Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành (<i>10 ngày kể từ ngày kết thúc vòng 1</i>) + Trường hợp kết hợp thi viết và phỏng vấn thì tổ chức thi viết như ở trên và tổ chức thi phỏng vấn ngay sau thi viết.	Ban coi thi		Hồ sơ thi vòng 2

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	+ Trường hợp Hội đồng tổ chức thi viết bằng hình thức thi trên máy vi tính, thì tổ chức thi phỏng vấn chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thi viết trên máy vi tính.			
	- Làm phách <i>(sau kết thúc thi vòng 2)</i>	Ban phách	03 ngày	Hồ sơ làm phách
	- Chấm thi vòng 2: + <i>Trường hợp thi viết (chậm nhất 15 ngày hoặc 30 ngày kể từ ngày kết thúc thi viết theo quy định tại Nghị định 116/2020/NĐ-CP phải hoàn thành việc chấm thi)</i>	Ban chấm thi		Hồ sơ chấm thi
	- Tổng hợp kết quả thi tuyển	Ban phách	01 ngày	Danh sách điểm thi viết
B4	Xác định và Thông báo người trúng tuyển công chức (22 ngày)			
	- Thông báo kết quả thi tuyển công chức <i>(chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm xong vòng 2)</i> , tiếp nhận đơn phúc khảo <i>(trong 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi)</i>	Hội đồng tuyển dụng		DSKQ thi tuyển vòng 2, đơn PK
	- Tổ chức chấm phúc khảo, thông báo kết quả phúc khảo <i>(chậm nhất 10 ngày kể từ khi hết hạn nhận đơn phúc khảo)</i>	Ban chấm phúc khảo	02 ngày	Kết quả chấm phúc khảo
	- Phê duyệt kết quả	Giám đốc Sở Nội vụ		Quyết định kèm danh sách người trúng tuyển

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển tới người dự tuyển. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.	Hội đồng tuyển dụng		Thông báo người trúng tuyển hồ sơ hoàn thiện.
B5	Hoàn thiện Hồ sơ của người trúng tuyển (20 ngày)			
	Hoàn thiện hồ sơ của người trúng tuyển	Người trúng tuyển	20 ngày	Hồ sơ theo quy định
B6	Quyết định tuyển dụng công chức (05 ngày)			
	- Thẩm định hồ sơ của người trúng tuyển (ngay trong thời hạn 20 ngày hoàn thiện hồ sơ của người trúng tuyển). - Ra Quyết định tuyển dụng (05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn hoàn thiện hồ sơ)	Phòng TDQLĐTBD; Giám đốc Sở Nội vụ	05 ngày làm việc	- Hồ sơ của người trúng tuyển theo Quy định. - Quyết định tuyển dụng
B7	Trả kết quả tới người trúng tuyển	Bộ phận Một cửa Sở Nội vụ	05 ngày	Quyết định
4	Biểu mẫu: Mẫu phiếu đăng ký dự tuyển (Kèm theo Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ).			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm



PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
Vị trí việc làm dự tuyển¹:

.....
Cơ quan, tổ chức, đơn vị dự tuyển²:

.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:
Ngày, tháng, năm sinh: Nam ☐ Nữ ☐
Dân tộc: Tôn giáo:
Số CMND hoặc Thẻ căn cước: Ngày cấp: Nơi cấp:
Số điện thoại di động để báo tin: Email:
Quê quán:
Nơi thường trú:
Nơi ở hiện tại:
Tình trạng sức khỏe:; Chiều cao:; Cân nặng.kg
Trình độ văn hóa:
Trình độ chuyên môn:

II. VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM TUYỂN DỤNG³

Tên trường, cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

IV. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức⁴: Có ☐ Không ☐
 Kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức:điểm; Kỳ thi năm
 Có giá trị sử dụng từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

2. Lý do miễn thi ngoại ngữ (nếu có)⁵:
 Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ ☐
 Có bằng tốt nghiệp học tập ở nước ngoài bằng ngoại ngữ hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam ☐
 Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số ☐

3. Thuộc đối tượng ưu tiên⁶: Có ☐ Không ☐
 Đối tượng ưu tiên:
 Điểm ưu tiên:điểm

4. Xác nhận hình thức nhận thông báo⁷:
 Xác nhận hình thức nhận thông báo theo Thông báo tuyển dụng ☐

V. THỨ TỰ ƯU TIÊN⁸

(Chỉ đăng ký đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng công chức khác nhau; thứ tự ưu tiên tính từ trên xuống dưới)

1. Nguyên vọng 1 (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, đơn vị):
2. Nguyên vọng 2 (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, đơn vị):

3. Nguyên vọng 3 (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, đơn vị):

.....

...

VI. NỘI DUNG KHÁC THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG

.....
.....

Tôi xin cam đoan đáp ứng đầy đủ yêu cầu về điều kiện đăng ký dự tuyển và không thuộc trường hợp không được đăng ký dự tuyển công chức theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký dự tuyển này và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định sau khi có thông báo trúng tuyển.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Ghi đúng tên vị trí việc làm đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng.

² Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng. Trường hợp đăng ký dự tuyển vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng công chức khác nhau thì ghi tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có thứ tự ưu tiên cao nhất.

³ Văn bằng, chứng chỉ phải bảo đảm do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng tại thời điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng cho phép nộp Giấy xác nhận (hoặc giấy tờ có giá trị tương đương) thì phải nộp bản chính thức khi hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

⁴ Trường hợp trúng tuyển phải xuất trình kết quả đạt kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

⁵ Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP. Khi trúng tuyển phải xuất trình văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.

⁶ Đối tượng ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP. Khi trúng tuyển phải xuất trình Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên theo quy định.

⁷ Trường hợp thí sinh không xác nhận hình thức nhận thông báo thì phải nêu rõ lý do, đồng thời đề xuất 01 hình thức nhận thông báo và phải được sự đồng ý, xác nhận bằng văn bản của Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển khi tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.

Các nội dung có liên quan đến kỳ tuyển dụng phải được đăng tải, cập nhật kịp thời và thường xuyên trên Trang Thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm bảo đảm các thông báo trong quá trình tuyển dụng liên quan đến thí sinh phải được gửi tới thí sinh bằng hình thức đã xác định trong Thông báo tuyển dụng.

Thí sinh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi các thông báo và phản hồi (nếu có yêu cầu). Hội đồng tuyển dụng không chịu trách nhiệm về việc thí sinh không nhận được thông tin vì bất cứ lý do gì nếu đã đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử, Cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng và đã gửi thông báo tới thí sinh theo hình thức đã được xác định trong Thông báo tuyển dụng.

⁸ Thí sinh phải đăng ký ít nhất 01 cơ quan, tổ chức, đơn vị và có thể đăng ký tối đa các nguyện vọng theo số lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung ghi trong Thông báo tuyển dụng. Trường hợp thí sinh không lựa chọn cơ quan, tổ chức, đơn vị trong danh sách theo thứ tự ưu tiên thì được hiểu là không đăng ký tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

2. Thủ tục xét tuyển công chức (QT-17)

1	Mục đích: Quy định về trình tự và cách thức thực hiện thủ tục xét tuyển công chức thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
2	Phạm vi: Các tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục xét tuyển công chức thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý: - Luật cán bộ, công chức năm 2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; - Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ Nghị định về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; - Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

	- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và văn bản pháp luật hiện hành; - Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; các Thông tư của các Bộ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành; - Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; - Căn cứ Quyết định số 785/QĐ-BNV ngày 06/11/2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; - Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nội vụ thành phố Hà Nội thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính lĩnh vực nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Các văn bản hiện hành có liên quan đến Đề án vị trí việc làm; giao biên chế công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị.		
3.2	Thành phần hồ sơ:	Bản chính	Bản sao
	- Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017	x	

	- Hồ sơ minh chứng việc tốt nghiệp xuất sắc và nhà khoa học trẻ (theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017)		X
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ/1 giai đoạn		
3.4	Thời gian xử lý: 59 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Giai đoạn 1: Tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển - Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội, địa chỉ: Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Cầu Giấy, số 85 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. - Cách 2: Qua hệ thống bưu chính: Nơi tiếp nhận đối với hồ sơ gửi qua bưu chính, địa chỉ: Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Cầu Giấy, số 85 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. - Cách 3: Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố Hà Nội (dichvucong.hanoi.gov.vn). - Giai đoạn 2: Nộp hồ sơ của người trúng tuyển - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội, địa chỉ: Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Cầu Giấy, số 85 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. - Trả kết quả sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Sở Nội vụ Hà Nội, địa chỉ: Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Cầu Giấy, số 85 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.		
3.6	Lệ phí: a) Phí dự tuyển - Dưới 100 thí sinh mức thu 500.000 đồng/thí sinh; - Từ 100 đến dưới 500 thí sinh mức thu 400.000 đồng/thí sinh; - Từ 500 thí sinh trở lên mức thu 300.000 đồng/thí sinh.		

3.7 Quy trình xử lý công việc

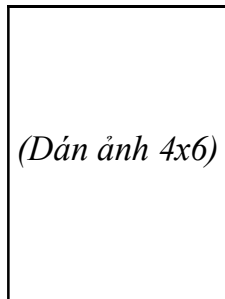
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển công chức (30 ngày)			
	- Thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 03 lần trên 03 phương tiện thông tin đại chúng: Báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Nội vụ và cơ quan có chỉ tiêu tuyển dụng (<i>Chậm nhất 7 ngày sau ngày Quyết định phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng</i>).	Phòng TDQLĐT BD và cơ quan có chỉ tiêu tuyển dụng	30 ngày	- Thông báo tuyển dụng theo Điều 9 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP - Phiếu đăng ký dự tuyển theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP - Hồ sơ minh chứng tốt nghiệp Đại học xuất sắc, nhà khoa học trẻ
	- Tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển; hồ sơ minh chứng tốt nghiệp Đại học xuất sắc, nhà khoa học trẻ	Bộ phận một cửa Sở Nội vụ		
B2	Thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức và các ban giúp việc Hội đồng (08 ngày)			
	- Thành lập Hội đồng tuyển dụng (<i>cùng ngày ban hành kế hoạch tuyển dụng</i>)	Giám đốc Sở Nội vụ		Quyết định
	- Thành lập các bộ phận giúp việc của Hội đồng (<i>Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển; Ban kiểm tra, sát hạch; tổ thư ký giúp việc Hội đồng</i>) trước khi thực hiện nhiệm vụ của từng Ban (<i>chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng</i>).	Chủ tịch Hội đồng		Quyết định
	- Tổ chức kiểm tra, phê duyệt, thông báo danh sách thí sinh xét tuyển (<i>Trường hợp không đủ điều kiện: Thông báo bằng văn bản chậm nhất 05 ngày</i>)	Ban Kiểm tra phiếu dự tuyển; Hội đồng tuyển dụng		Biên bản kiểm tra, Danh sách, Thông báo

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	- Lập Danh sách thí sinh đủ điều kiện xét tuyển.	Hội đồng tuyển dụng		Dự thảo Quyết định
	- Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện xét tuyển.			Quyết định phê duyệt danh sách xét tuyển
	- Thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện xét tuyển.	Giám đốc Sở Nội vụ		Thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện xét tuyển
	- Thu phí dự tuyển	Bộ phận một cửa Sở Nội vụ	Trước kỳ phỏng vấn	Theo quy định
	- Tổ chức xây dựng đề phỏng vấn, hướng dẫn chấm, đáp án hoặc hợp đồng xây dựng đề phỏng vấn (<i>xong trước ngày phỏng vấn 05 ngày</i>)	Ban Kiểm tra sát hạch		Đề phỏng vấn, hướng dẫn chấm và đáp án được niêm phong, bảo mật theo quy định
B3	Tổ chức xét tuyển công chức (07 ngày)			
	- Tổ chức xét tuyển	Ban Kiểm tra sát hạch	07 ngày	
	- Tổng hợp kết quả phỏng vấn	Ban Kiểm tra sát hạch		Danh sách thí sinh có điểm sát hạch
B4	Thông báo người trúng tuyển công chức (6 ngày)			
	- Phê duyệt kết quả	Giám đốc Sở Nội vụ	01 ngày	Quyết định kèm danh sách người trúng tuyển

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	- Thông báo người trúng tuyển	Phòng TDQLĐTBD	05 ngày	Thông báo người trúng tuyển
B5	Quyết định tuyển dụng công chức (05 ngày)			
	Ra Quyết định tuyển dụng.	Phòng TDQLĐTBD	05 ngày	Quyết định tuyển dụng
B6	Trả kết quả tới người trúng tuyển công chức.	Bộ phận Một cửa Sở Nội vụ	03 ngày	Quyết định tuyển dụng
4	Biểu mẫu: Mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển (theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP)			

MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm



PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí việc làm dự tuyển¹:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị dự tuyển²:

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:	
Ngày, tháng, năm sinh:	Nam ☐ Nữ ☐
Dân tộc:	Tôn giáo:
Số CMND hoặc Thẻ căn cước:	Ngày cấp: Nơi cấp:
Số điện thoại di động để báo tin:	Email:
Quê quán:	
Nơi thường trú:	
Nơi ở hiện tại:	
Tình trạng sức khỏe:; Chiều cao:; Cân nặng.. kg	
Trình độ văn hóa:	
Trình độ chuyên môn:	

II. VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM TUYỂN DỤNG³

Tên trường, cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

IV. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức⁴: Có ☐ Không ☐ Kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức:điểm; Kỳ thi năm Có giá trị sử dụng từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...
2. Lý do miễn thi ngoại ngữ (nếu có)⁵: Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ ☐ Có bằng tốt nghiệp học tập ở nước ngoài bằng ngoại ngữ hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam ☐ Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số ☐
3. Thuộc đối tượng ưu tiên⁶: Có ☐ Không ☐ Đối tượng ưu tiên: Điểm ưu tiên: điểm
4. Xác nhận hình thức nhận thông báo⁷: Xác nhận hình thức nhận thông báo theo Thông báo tuyển dụng ☐

V. THỨ TỰ ƯU TIÊN⁸

(Chỉ đăng ký đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng công chức khác nhau; thứ tự ưu tiên tính từ trên xuống dưới)

4. Nguyên vọng 1 (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, đơn vị):
5. Nguyên vọng 2 (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, đơn vị):
6. Nguyên vọng 3 (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, đơn vị):
...

VI. NỘI DUNG KHÁC THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG

.....

.....

Tôi xin cam đoan đáp ứng đầy đủ yêu cầu về điều kiện đăng ký dự tuyển và không thuộc trường hợp không được đăng ký dự tuyển công chức theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký dự tuyển này và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định sau khi có thông báo trúng tuyển.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Ghi đúng tên vị trí việc làm đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng.

² Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng. Trường hợp đăng ký dự tuyển vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng công chức khác nhau thì ghi tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có thứ tự ưu tiên cao nhất.

³ Văn bằng, chứng chỉ phải bảo đảm do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng tại thời điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng cho phép nộp Giấy xác nhận (hoặc giấy tờ có giá trị tương đương) thì phải nộp bản chính thức khi hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

⁴ Trường hợp trúng tuyển phải xuất trình kết quả đạt kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

⁵ Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP. Khi trúng tuyển phải xuất trình văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.

⁶ Đối tượng ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP. Khi trúng tuyển phải xuất trình Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên theo quy định.

⁷ Trường hợp thí sinh không xác nhận hình thức nhận thông báo thì phải nêu rõ lý do, đồng thời đề xuất 01 hình thức nhận thông báo và phải được sự đồng ý, xác nhận bằng văn bản của Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển khi tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển.

Các nội dung có liên quan đến kỳ tuyển dụng phải được đăng tải, cập nhật kịp thời và thường xuyên trên Trang Thông tin điện tử hoặc Công thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm bảo đảm các thông báo trong quá trình tuyển dụng liên quan đến thí sinh phải được gửi tới thí sinh bằng hình thức đã xác định trong Thông báo tuyển dụng.

Thí sinh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi các thông báo và phản hồi (nếu có yêu cầu). Hội đồng tuyển dụng không chịu trách nhiệm về việc thí sinh không nhận được thông tin vì bất cứ lý do gì nếu đã đăng tải thông tin trên Trang thông tin điện tử, Công thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng và đã gửi thông báo tới thí sinh theo hình thức đã được xác định trong Thông báo tuyển dụng.

⁸ Thí sinh phải đăng ký ít nhất 01 cơ quan, tổ chức, đơn vị và có thể đăng ký tối đa các nguyện vọng theo số lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung ghi trong Thông báo tuyển dụng. Trường hợp thí sinh không lựa chọn cơ quan, tổ chức, đơn vị trong danh sách theo thứ tự ưu tiên thì được hiểu là không đăng ký tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

3. Thủ tục tiếp nhận vào làm công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (QT-18)

1	Mục đích: Quy định về trình tự và cách thức thực hiện tiếp nhận vào làm công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
2	Phạm vi: Các tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục tiếp nhận vào làm công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý - Luật Cán bộ, công chức năm 2008; - Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; - Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

	- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; - Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; các Thông tư của các Bộ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành; - Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; - Căn cứ Quyết định số 785/QĐ-BNV ngày 06/11/2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 về kiểm định chất lượng đầu vào công chức; - Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nội vụ thành phố Hà Nội thực hiện giải quyết một số thủ tục hành chính lĩnh vực nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; - Các văn bản hiện hành có liên quan đến Đề án vị trí việc làm; giao biên chế công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị.		
3.2	Thành phần hồ sơ: Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức (<i>Khoản 3, Điều 18, Nghị định 138/2020/NĐ-CP</i>)	Bản chính	Bản sao

	- Sơ yếu lý lịch công chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận, có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác;	x		
	- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.	x		
	- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận;	x		
	- Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận.		x	
	Các Quyết định tuyển dụng vào viên chức; công chức cấp xã; Quyết định phê chuẩn, chuẩn y vào cán bộ cấp xã; Quyết định được tuyển vào lực lượng vũ trang....; Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp; xếp lương; Quyết định chuyển công tác; Quyết định chuyển xếp lương (nếu có); Quyết định nâng lương gần nhất.		x	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
3.4	Thời gian xử lý: - Tối đa 56 ngày/đợt đối với trường hợp phải thông qua Hội đồng Kiểm tra sát hạch.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội, địa chỉ: Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Cầu Giấy, số 85 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. - Cách 2: Qua hệ thống bưu chính: Nơi tiếp nhận đối với hồ sơ gửi qua bưu chính, địa chỉ: Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Cầu Giấy, số 85 phố Dịch Vọng Hậu, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. - Cách 3: Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố Hà Nội (dichvucong.hanoi.gov.vn).			
3.6	Lệ phí: Không quy định.			
4	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Tiếp nhận hồ sơ (14 ngày)			

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	- Tiếp nhận hồ sơ.	Bộ phận một cửa Sở Nội vụ	04 ngày	Hồ sơ theo mục 3.2
	- Thẩm định hồ sơ.	Phòng TDQLĐTBD	04 ngày	
	- Thẩm định chỉ tiêu, vị trí việc làm.	Phòng Sở, ban, ngành và Phòng Xây dựng chính quyền	03 ngày	
	- Lập danh sách người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức.	Phòng TDQLĐTBD	04 ngày	Danh sách
	- Phê duyệt danh sách người đủ điều kiện và không đủ điều kiện tiếp nhận vào làm công chức	Phòng TDQLĐTBD		Quyết định phê duyệt
	B2	Tổ chức sát hạch (30 ngày)		
- Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.	Giám đốc Sở Nội vụ	02 ngày	Quyết định thành lập Hội đồng	
- Rà soát, lập danh sách người đủ điều kiện tham dự kiểm tra, sát hạch; Xây dựng nội dung, hình thức sát hạch, cách thức xác định kết quả sát hạch;	Hội đồng kiểm tra, sát hạch	06 ngày	Danh sách; Dự thảo nội dung, hình thức sát hạch.	
- Họp Hội đồng Kiểm tra sát hạch xét duyệt, lập danh sách người đủ tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận; Thông qua nội dung, hình thức sát hạch và cách thức xác định kết quả sát hạch.	Hội đồng kiểm tra, sát hạch	01 ngày		
- Thông báo thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện và thời gian, địa điểm, nội dung sát hạch.	Hội đồng kiểm tra, sát hạch	15 ngày	Thông báo	

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	- Tổ chức kiểm tra, sát hạch.	Hội đồng kiểm tra, sát hạch	03 ngày	Hồ sơ kiểm tra, sát hạch
	- Tổng hợp kết quả kiểm tra, sát hạch.		02 ngày	Danh sách
B3	Quyết định tuyển dụng (12 ngày)			
	- Dự thảo văn bản trình lãnh đạo Sở Nội vụ công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch.	Phòng TDQLĐTBD	02 ngày	Dự thảo Quyết định
	- Phê duyệt kết quả kiểm tra, sát hạch.	Giám đốc Sở Nội vụ	01 ngày	Quyết định phê duyệt kết quả
	- Ra quyết định tuyển dụng	Phòng TDQLĐTBD	07 ngày	Quyết định tuyển dụng
	- Trả kết quả (Quyết định tuyển dụng) tới cơ quan sử dụng công chức và người trúng tuyển công chức.	Bộ phận một cửa Sở Nội vụ	02 ngày	Quyết định tuyển dụng
	Biểu mẫu: Mẫu hồ sơ công chức (theo Nghị định 138/2020/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 116/2024/NĐ-CP)			

B. DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI; QUỸ XÃ HỘI, QUỸ TỪ THIỆN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (14 quy trình)

I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI (07 TTHC)

1. Công nhận ban vận động thành lập hội (QT - 19)

1	Mục đích: Quy định trình tự tiếp nhận, xem xét và ra văn bản/Quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội trong phạm vi huyện, xã			
2	Phạm vi Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập Hội. Công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Phòng chuyên môn Quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và các cá nhân, tổ chức liên quan.			
3	Nội dung quy trình			
3.1	Cơ sở pháp lý - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 780/QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 6672/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý nhà nước về hội; quỹ xã hội, quỹ từ thiện; công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản gốc	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội (theo mẫu)	x		
	2. Sơ yếu lý lịch cá nhân (theo mẫu)	x		

	3. Phiếu lý lịch tư pháp số 1 (nếu thành viên ban vận động thành lập hội là cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tham gia ban vận động thành lập hội bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp)		x	
	4. Danh sách trích ngang của những người dự kiến trong ban vận động thành lập hội	x		
	5. Văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền đối với cán bộ, công chức, viên chức		x	
	6. Các văn bản liên quan (nếu có)		x	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ (bản chính)			
3.4	Thời gian xử lý			
	30 ngày làm việc kể từ ngày Phòng chuyên môn Quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hội dự kiến hoạt động nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Cách 2: Qua hệ thống bưu chính. - Cách 3: Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố Hà Nội (dichvucong.hanoi.gov.vn)			
3.6	Lệ phí			
	Không có			
3.7	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính			
	Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội			
3.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định. - Nộp hồ sơ.	Tổ chức, cá nhân		Theo mục 3.2
B2	- Tiếp nhận hồ sơ;	Văn phòng	1/2 ngày	Giấy tiếp

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	- Ký giao nhận hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày. - Chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn	(Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn chuyển hồ sơ cho công chức thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Chuyên môn	01 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Công chức Phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký), nêu rõ lý do. b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo bổ sung hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký); nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. c) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: công chức thực hiện theo Bước 5.	Công chức thẩm định; Lãnh đạo phòng xem xét, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản (nếu có)	05 ngày	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	5.1 Văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan - Công chức dự thảo văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan; - Lãnh đạo Phòng kiểm tra dự thảo văn bản, ký nháy trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản.	Công chức/ Lãnh đạo Phòng/ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	02 ngày	Văn bản (gửi kèm hồ sơ)
	5.2 Phát hành văn bản	Bộ phận văn thư	Ngay sau khi Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký văn bản	

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	5.3 Các phòng, ban, đơn vị liên quan nghiên cứu hồ sơ, có ý kiến bằng văn bản gửi về Phòng chuyên môn Quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hội dự kiến hoạt động	Phòng, ban, đơn vị liên quan	07 ngày	Văn bản
B6	Tổng hợp kết quả: a) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: công chức tổng hợp ý kiến của các phòng, ban, đơn vị liên quan, dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc công nhận ban vận động thành lập hội, trình Lãnh đạo Phòng. b) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: công chức tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản không đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (trong đó nêu rõ lý do).	Công chức Phòng Nội vụ	03 ngày	Tờ trình; Quyết định/ Văn bản
B7	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo các văn bản: - Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B6.	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	01 ngày	Hồ sơ kèm theo dự thảo văn bản
B8	Phê duyệt nội dung văn bản: - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản; - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B7.	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	01 ngày	Tờ trình, Quyết định/ Văn bản
B9	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoặc văn bản trả lời không đồng ý (trong đó có nêu rõ lý do)	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	07 ngày	Quyết định/ Văn bản
B10	- Tiếp nhận, trả kết quả; - Thống kê và theo dõi:	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Quyết định/ Văn bản; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	Trường hợp hồ sơ quá ngày hẹn trả kết quả theo quy định, dự thảo văn bản xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả cho tổ chức/cá nhân biết.	Công chức Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
B11	Lưu hồ sơ	Công chức Phòng chuyên môn	01 ngày	Quyết định/Văn bản; Hồ sơ
4.	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai			
	- Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội (theo Mẫu số 03, kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ). - Sơ yếu lý lịch cá nhân (theo Mẫu số 17, kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ).			
5.	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính			
	a) Trưởng ban vận động thành lập hội là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kinh nghiệm, có uy tín, am hiểu trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và sống thường trú tại Việt Nam; Thành viên ban vận động thành lập hội là cán bộ, công chức, viên chức phải được sự đồng ý cho tham gia ban vận động thành lập hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ. Thành viên ban vận động thành lập hội là tổ chức, công dân Việt Nam tâm huyết, trách nhiệm, hoạt động trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động hoặc có liên quan đến lĩnh vực hội dự kiến hoạt động. Các thành viên ban vận động thành lập hội phải đảm bảo các điều kiện sau: - Đối với tổ chức: Được thành lập hợp pháp, có điều lệ hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; có đơn tham gia ban vận động thành lập hội; Có nghị quyết của tập thể lãnh đạo hoặc quyết định của người đứng đầu có thẩm quyền về việc tham gia ban vận động thành lập hội và cử người đại diện tham gia thành viên ban vận động thành lập hội. Người được cử làm đại diện là công dân Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo sức khỏe và không có án tích; - Đối với công dân: có đơn tham gia ban vận động thành lập hội, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo sức khỏe và không có án tích. b) Đối với hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã, ban vận động thành lập hội phải có ít nhất 03 thành viên. c) Ban vận động thành lập hội tự giải thể khi đại hội bầu ra Ban chấp hành của hội.			

2. Thủ tục thành lập hội (QT-20)

1	Mục đích: Quy định về trình tự và cách thức thực hiện thủ tục thành lập hội			
2	Phạm vi Tổ chức, cá nhân liên quan có nhu cầu thành lập Hội. Công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Phòng Nội vụ và các cá nhân, tổ chức liên quan.			
3	Nội dung quy trình			
3.1	Cơ sở pháp lý - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 780/QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 6672/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý nhà nước về hội; quỹ xã hội, quỹ từ thiện; công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản gốc	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị thành lập hội (theo mẫu)	x		
	2. Dự thảo điều lệ hội (theo mẫu)			
	3. Quyết định công nhận ban vận động thành lập hội kèm		x	

	theo danh sách thành viên ban vận động thành lập hội			
	4. Danh sách và đơn đăng ký tham gia thành lập hội của tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội	x		
	5. Sơ yếu lý lịch cá nhân theo mẫu (bản gốc) và phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của trưởng ban vận động thành lập hội không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ	x	x	
	6. Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia làm trưởng ban vận động thành lập hội		x	
	7. Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi dự kiến đặt trụ sở của hội theo quy định của pháp luật		x	x
	8. Bản kê khai tài sản thành lập hội của ban vận động thành lập hội tự nguyện đóng góp (nếu có)	x		
	9. Bản cam kết đảm bảo kinh phí hoạt động trong nhiệm kỳ lần thứ nhất của hội nếu được thành lập	x		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ (bản chính)			
3.4	Thời gian xử lý			
	60 ngày làm việc kể từ ngày Phòng Nội vụ nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Cách 2: Qua hệ thống bưu chính. - Cách 3: Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố Hà Nội (dichvucong.hanoi.gov.vn)			
3.6	Lệ phí			
	Không có			
3.7	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính			
	Quyết định cho phép thành lập hội			

3.8 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định. - Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân		Theo mục 3.2
B2	- Tiếp nhận hồ sơ - Ký giao nhận Hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	- Chuyển hồ sơ đến Phòng Nội vụ		1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng Nội vụ chuyển hồ sơ đến công chức thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	01 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Công chức Phòng Nội vụ thẩm định hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký), nêu rõ lý do. b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo bổ sung hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký); nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. c) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: công chức thực hiện theo Bước 5.	Công chức thẩm định; Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản (nếu có)	15 ngày	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	5.1 Văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan - Công chức dự thảo văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan;	Công chức/ Lãnh đạo		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	- Lãnh đạo Phòng kiểm tra dự thảo văn bản, ký nháy trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản.	Phòng/ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	05 ngày	Văn bản (gửi kèm hồ sơ)
	5.2 Phát hành văn bản	Bộ phận văn thư	Ngay sau khi Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký văn bản	
	5.3 Các phòng, ban, đơn vị liên quan nghiên cứu hồ sơ, có ý kiến bằng văn bản gửi về Phòng Nội vụ	Phòng, ban, đơn vị liên quan	10 ngày	Văn bản
B6	Tổng hợp kết quả: a) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Công chức tổng hợp ý kiến của các phòng, ban, đơn vị liên quan, dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc cho phép thành lập hội, trình Lãnh đạo Phòng. b) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Công chức tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản trả lời.	Công chức Phòng Nội vụ	10 ngày	Quyết định/ Văn bản
B7	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo các văn bản: - Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B6.	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	03 ngày	Hồ sơ kèm theo dự thảo văn bản
B8	Phê duyệt nội dung văn bản: - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản; - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B7.	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	03 ngày	Quyết định/Văn bản

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B9	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định về việc cho phép thành lập hội	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	10 ngày	Quyết định
B10	- Tiếp nhận, trả kết quả; - Thống kê và theo dõi:	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Quyết định/ Văn bản; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
	Trường hợp hồ sơ quá ngày hẹn trả kết quả theo quy định, dự thảo văn bản xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả cho tổ chức/cá nhân biết.	Công chức Phòng Nội vụ	Giờ hành chính	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
B11	Lưu hồ sơ	Công chức Phòng Nội vụ	01 ngày	Quyết định; Hồ sơ
4.	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai			
	- Đơn đề nghị thành lập hội (theo Mẫu số 04 kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ). - Dự thảo Điều lệ hội (theo Mẫu số 09 kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ). - Đơn của công dân Việt Nam đăng ký tham gia hội (theo Mẫu số 01, kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ). - Đơn của tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia hội (theo Mẫu số 02, kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ).			
5.	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính			
	a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép thành lập đối với Hội hoạt động phạm vi huyện, xã. b) Điều kiện thành lập hội: đảm bảo theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ. c) Phải có Ban vận động thành lập hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận.			

3. Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (QT - 21)

1	Mục đích: Quy định về trình tự và cách thức thực hiện thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã			
2	Phạm vi: Hội hoạt động phạm vi huyện, xã. Công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Phòng Nội vụ và các cá nhân, tổ chức liên quan.			
3	Nội dung quy trình			
3.1	Cơ sở pháp lý - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 780/QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 6672/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý nhà nước về hội; quỹ xã hội, quỹ từ thiện; công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.			
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản gốc	Bản chính	Bản sao
	* Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội thành lập			

	1. Văn bản báo cáo tổ chức đại hội thành lập của Ban Vận động thành lập hội	x		
	2. Đề án nhân sự, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, dự kiến danh sách thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội và chức danh khác (nếu có)	x		
	3. Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với nhân sự là cán bộ, công chức, viên chức dự kiến tham gia ban chấp hành, ban thường vụ hoặc giữ các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội		x	
	4. Trường hợp dự kiến chủ tịch hội không phải là trưởng ban vận động thành lập hội phải bổ sung sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; nếu chủ tịch hội dự kiến nêu trên là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1		x	
	5. Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội	x		
	* Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ			
	1. Văn bản báo cáo về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ của hội; nếu trong đại hội nhiệm kỳ có nội dung về đổi tên hội thì kèm theo đơn đề nghị đổi tên hội, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết phải đổi tên hội	x		
	2. Nghị quyết của ban chấp hành hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ và việc đổi tên hội (nếu có)		x	
	3. Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội. Báo cáo kiểm điểm của Ban chấp hành, ban kiểm tra và báo cáo tài chính của hội		x	
	4. Dự thảo điều lệ (sửa đổi, bổ sung) hoặc dự thảo điều lệ theo tên mới (nếu có)			

5. Đề án nhân sự, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, dự kiến danh sách thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội và chức danh khác (nếu có)		x	
6. Sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ của nhân sự dự kiến là chủ tịch hội; nếu nhân sự dự kiến chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ hoặc đang là chủ tịch hội nhiệm kỳ hiện tại của hội thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1		x	
7. Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với nhân sự là cán bộ, công chức, viên chức dự kiến tham gia ban chấp hành, ban thường vụ hoặc giữ các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội		x	
8. Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội		x	
9. Báo cáo số lượng hội viên, trong đó nêu rõ số hội viên chính thức của hội		x	
10. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của đại hội theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật (nếu có)		x	
* Hồ sơ báo cáo đại hội bất thường			
1. Văn bản báo cáo tổ chức đại hội bất thường của hội; Nếu trong đại hội bất thường có nội dung về đổi tên hội thì kèm theo đơn đề nghị đổi tên hội, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết phải đổi tên hội		x	
2. Nghị quyết của Ban chấp hành hội về việc tổ chức đại hội bất thường trong đó nêu rõ nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội		x	
3. Dự thảo những nội dung thảo luận và quyết định tại đại hội			

	4. Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội		x	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ (bản chính)			
3.4	Thời gian xử lý			
	45 ngày làm việc (đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường); 15 ngày làm việc (đối với đại hội thành lập) kể từ ngày Phòng Nội vụ nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Cách 2: Qua hệ thống bưu chính. - Cách 3: Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố Hà Nội (dichvucong.hanoi.gov.vn)			
3.6	Lệ phí			
	Không có			
3.7	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính			
	Công văn cho phép hội tổ chức đại hội thành lập/đại hội nhiệm kỳ/đại hội bất thường.			
3.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định. - Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân		Theo mục 3.2
B2	- Tiếp nhận hồ sơ - Ký giao nhận Hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	- Chuyển hồ sơ đến Phòng Nội vụ		1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B3	Lãnh đạo Phòng Nội vụ chuyển hồ sơ đến công chức thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	01 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Công chức Phòng Nội vụ thẩm định hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký), nêu rõ lý do. b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Dự thảo văn bản thông báo bổ sung hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký); nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. c) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Công chức thực hiện theo Bước 5.	Công chức thẩm định; Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản (nếu có)	10 ngày (02 ngày (đối với hồ sơ xin phép tổ chức đại hội thành lập)	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	5.1 Văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan - Công chức dự thảo văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan; - Lãnh đạo Phòng kiểm tra dự thảo văn bản, ký nháy trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản.	Công chức/ Lãnh đạo Phòng/ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	03 ngày (01 ngày đối với hồ sơ xin phép tổ chức đại hội thành lập)	Văn bản (gửi kèm hồ sơ)
	5.2 Phát hành văn bản	Bộ phận văn thư	Ngay sau khi Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký văn bản	

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	5.3 Các phòng, ban, đơn vị liên quan nghiên cứu hồ sơ, có ý kiến bằng văn bản gửi về Phòng Nội vụ	Phòng, ban, đơn vị liên quan	10 ngày (05 ngày đối với hồ sơ xin phép tổ chức đại hội thành lập)	Văn bản
B6	Tổng hợp kết quả: a) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Công chức tổng hợp ý kiến của các phòng, ban, đơn vị liên quan, dự thảo văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc cho phép tổ chức đại hội (thành lập, nhiệm kỳ, bất thường) b) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: Công chức tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản trả lời.	Công chức Phòng Nội vụ	05 ngày (02 ngày đối với hồ sơ xin phép tổ chức đại hội thành lập)	Văn bản
B7	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo các văn bản: - Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B6.	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	02 ngày (01 ngày đối với hồ sơ xin phép tổ chức đại hội thành lập)	Hồ sơ kèm theo dự thảo văn bản
B8	Phê duyệt nội dung văn bản: - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản; - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B7.	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	01 ngày	Văn bản
B9	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện văn bản cho phép tổ chức đại hội (thành lập, nhiệm kỳ, bất thường)	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	10 ngày	Văn bản, hồ sơ

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B10	- Tiếp nhận, trả kết quả; - Thống kê và theo dõi:	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Quyết định/Văn bản; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
	Trường hợp hồ sơ quá ngày hẹn trả kết quả theo quy định, dự thảo văn bản xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả cho tổ chức/cá nhân biết.	Công chức Phòng Nội vụ	Giờ hành chính	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
B11	Lưu hồ sơ	Công chức Phòng Nội vụ	01 ngày	Văn bản; Hồ sơ
4.	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai			
	Không có			
5.	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính			
	Hội tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường sau khi có ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.			

4. Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (QT - 22)

1	Mục đích: Quy định về trình tự và cách thức thực hiện thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội		
2	Phạm vi Hội hoạt động phạm vi huyện, xã. Công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Phòng Nội vụ và các cá nhân, tổ chức liên quan.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 780/QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 6672/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý nhà nước về hội; quỹ xã hội, quỹ từ thiện; công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Văn bản báo cáo kết quả đại hội (theo mẫu), trong đó có đề nghị phê duyệt điều lệ hội (nếu có) hoặc đề nghị đổi tên hội. Trường hợp đại hội quyết định không sửa đổi, bổ sung điều lệ thì hội báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tiếp tục thực hiện điều lệ hiện hành	x	

	2. Nếu trong đại hội có nội dung về đổi tên hội thì kèm theo đơn đề nghị đổi tên hội, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết phải đổi tên hội	x	
	3. Dự thảo điều lệ hoặc dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung (theo mẫu)	x	
	4. Biên bản đại hội; biên bản bầu ban thường vụ, ban kiểm tra và các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội (có danh sách kèm theo)	x	
	5. Trường hợp chủ tịch hội không phải là nhân sự dự kiến đã báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì hội bổ sung sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ. Chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1	x	
	6. Chương trình hoạt động của hội	x	
	7. Nghị quyết đại hội	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ (bản chính)		
3.4	Thời gian xử lý		
	60 ngày làm việc kể từ ngày Phòng Nội vụ nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Cách 2: Qua hệ thống bưu chính. - Cách 3: Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố Hà Nội (dichvucong.hanoi.gov.vn)		
3.6	Lệ phí		
	Không có		
3.7	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính		
	- Thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc hội đã tổ chức đại hội đảm bảo theo quy định của pháp luật và điều lệ hội;		

	- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép đổi tên và phê duyệt điều lệ của hội (nếu có); - Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt điều lệ hội hoặc Quyết định phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của hội (nếu có).			
3.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định. - Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân		Theo mục 3.2
B2	- Tiếp nhận hồ sơ - Ký giao nhận Hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	- Chuyển hồ sơ đến Phòng Nội vụ		1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng Nội vụ chuyển hồ sơ đến công chức thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	01 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Công chức Phòng Nội vụ thẩm định hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký), nêu rõ lý do. b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo bổ sung hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký); nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. c) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: công chức thực hiện theo Bước 5.	Công chức thẩm định; Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản (nếu có)	15 ngày	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	5.1 Văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan			

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	- Công chức dự thảo văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan; - Lãnh đạo Phòng kiểm tra dự thảo văn bản, ký nháy trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản.	Công chức/ Lãnh đạo Phòng/ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	05 ngày	Văn bản (gửi kèm hồ sơ)
	5.2 Phát hành văn bản	Bộ phận văn thư	Sau khi Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký	
	5.3 Các phòng, ban, đơn vị liên quan nghiên cứu hồ sơ, gửi ý kiến bằng văn bản về phòng Nội vụ.	Phòng, ban, đơn vị liên quan	10 ngày	Văn bản
B6	Tổng hợp kết quả: a) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: công chức tổng hợp ý kiến của các phòng, ban, đơn vị liên quan, dự thảo văn bản: - Thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện vụ về việc hội đã tổ chức đại hội đảm bảo theo quy định của pháp luật và điều lệ hội; Với hội tổ chức đại hội có đề nghị đổi tên và phê duyệt điều lệ của hội hoặc đề nghị phê duyệt điều lệ hội; phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung): - Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép đổi tên và phê duyệt điều lệ của hội; - Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt điều lệ hội/phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung).	Công chức Phòng Nội vụ	10 ngày	Văn bản, Quyết định

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	b) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: công chức tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản trả lời.			
B7	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo các văn bản: - Nếu đồng ý: ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B6.	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	03 ngày	Hồ sơ kèm theo dự thảo văn bản, Quyết định
B8	Phê duyệt nội dung văn bản: - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản; - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B7.	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	03 ngày	Văn bản, Quyết định
B9	Trình cấp có thẩm quyền quyết định: - Thông báo ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc hội đã tổ chức đại hội đảm bảo theo quy định của pháp luật và điều lệ hội; - Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép đổi tên và phê duyệt điều lệ hội; - Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt điều lệ hội hoặc Quyết định phê duyệt điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của hội.	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	10 ngày	Văn bản/Quyết định
B10	- Tiếp nhận, trả kết quả; - Thống kê và theo dõi:	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Quyết định/ Văn bản; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
	Trường hợp hồ sơ quá ngày hẹn trả kết quả theo quy định, dự thảo văn bản xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả cho tổ chức/cá nhân biết.	Công chức Phòng Nội vụ	Giờ hành chính	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
B11	Lưu hồ sơ	Công chức Phòng Nội vụ	01 ngày	Văn bản; Hồ sơ

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
4.	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai			
	1. Công văn báo cáo kết quả đại hội (theo Mẫu số 5 kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ). 2. Dự thảo điều lệ hoặc dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (theo Mẫu số 9 kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ).			
5.	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính			
	1. Trường hợp hội đổi tên thì tên mới của hội phải đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, không được gây nhầm lẫn và làm thay đổi lĩnh vực hoạt động chính của hội hoặc gây nhầm lẫn với lĩnh vực hoạt động của các hội đã được thành lập hợp pháp. Tên mới của hội và điều lệ (sửa đổi, bổ sung) hội có hiệu lực kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt; 2. Dự thảo điều lệ (hoặc điều lệ sửa đổi, bổ sung) của hội phải được hoàn thiện phù hợp với quy định của pháp luật theo ý kiến của các cơ quan liên quan đến lĩnh vực hội hoạt động. Trường hợp nội dung điều lệ hội trái với quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối phê duyệt và yêu cầu, hướng dẫn hội hoàn thiện điều lệ hội đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; 3. Điều lệ hội có hiệu lực kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt.			

5. Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (QT - 23)

1	Mục đích: Quy định về trình tự và cách thức thực hiện thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội		
2	Phạm vi Hội hoạt động phạm vi huyện, xã. Công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Phòng Nội vụ và các cá nhân, tổ chức liên quan.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 780/QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 6672/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý nhà nước về hội; quỹ xã hội, quỹ từ thiện; công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (theo mẫu)	x	
	2. Đề án chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	x	
	3. Nghị quyết của Ban chấp hành hội về việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	x	
	4. Dự thảo điều lệ hội mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	x	

	5. Danh sách ban chấp hành và ban kiểm tra của hội mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	x		
	6. Sơ yếu lý lịch cá nhân, phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ của nhân sự dự kiến là chủ tịch của hội mới	x		
	7. Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở của hội hình thành mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	x	x	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ (bản chính)			
3.4	Thời gian xử lý			
	60 ngày làm việc kể từ ngày Phòng Nội vụ nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Cách 2: Qua hệ thống bưu chính. - Cách 3: Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố Hà Nội (dichvucong.hanoi.gov.vn)			
3.6	Lệ phí			
	Không có			
3.7	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính			
	Quyết định cho phép chia/tách/sáp nhập/hợp nhất hội.			
3.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định. - Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân		Theo mục 3.2
B2	- Tiếp nhận hồ sơ - Ký giao nhận Hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	- Chuyển hồ sơ đến Phòng Nội vụ		1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B3	Lãnh đạo Phòng Nội vụ chuyển hồ sơ đến công chức thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	01 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Công chức Phòng Nội vụ thẩm định hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký), nêu rõ lý do. b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo bổ sung hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký); nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. c) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: công chức thực hiện theo Bước 5.	Công chức thẩm định; Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản (nếu có)	15 ngày	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	5.1 Văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan - Công chức dự thảo văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan; - Lãnh đạo Phòng kiểm tra dự thảo văn bản, ký nháy trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản.	Công chức/ Lãnh đạo Phòng/ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	05 ngày	Văn bản (gửi kèm hồ sơ)
	5.2 Phát hành văn bản	Bộ phận văn thư	Ngay sau khi Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký văn bản	

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	5.3 Các phòng, ban, đơn vị liên quan nghiên cứu hồ sơ, có ý kiến bằng văn bản gửi về Phòng Nội vụ	Phòng, ban, đơn vị liên quan	10 ngày	Văn bản
B6	Tổng hợp kết quả: a) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: công chức tổng hợp ý kiến của các phòng, ban, đơn vị liên quan, dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc cho phép tách hội/chia hội/sáp nhập hội/hợp nhất hội, trình Lãnh đạo Phòng. b) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: công chức tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản trả lời.	Công chức Phòng Nội vụ	10 ngày	Quyết định/Văn bản
B7	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo các văn bản: - Nếu đồng ý: ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B6.	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	03 ngày	Hồ sơ kèm theo dự thảo văn bản
B8	Phê duyệt nội dung văn bản: - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản; - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B7.	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	03 ngày	Quyết định/Văn bản
B9	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định về việc cho phép tách hội/chia hội/sáp nhập hội/hợp nhất hội	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện	10 ngày	Quyết định
B10	- Tiếp nhận, trả kết quả; - Thống kê và theo dõi:	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Quyết định/ Văn bản; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	Trường hợp hồ sơ quá ngày hẹn trả kết quả theo quy định, dự thảo văn bản xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả cho tổ chức/cá nhân biết.	Công chức Phòng Nội vụ	Giờ hành chính	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
B11	Lưu hồ sơ	Công chức Phòng Nội vụ	01 ngày	Quyết định; Hồ sơ
4.	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai			
	- Đơn đề nghị tách hội (theo Mẫu số 10 kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ). - Đơn đề nghị chia hội (theo Mẫu số 11 kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ). - Đơn đề nghị sáp nhập hội (theo Mẫu số 12 kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ). - Đơn đề nghị hợp nhất hội (theo Mẫu số 13 kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ).			
5.	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính			
	Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội, các hội mới phải tổ chức đại hội để thông qua các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.			

6. Thủ tục hội tự giải thể (QT - 24)

1	Mục đích: Quy định về trình tự và cách thức thực hiện thủ tục hội tự giải thể		
2	Phạm vi Hội hoạt động phạm vi huyện, xã. Công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Phòng Nội vụ và các cá nhân, tổ chức liên quan.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 780/QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 6672/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý nhà nước về hội; quỹ xã hội, quỹ từ thiện; công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị giải thể hội (theo mẫu)	x	
	2. Biên bản có chữ ký của trên 1/2 tổng số hội viên chính thức hoặc nghị quyết của ban chấp hành hội về việc giải thể hội	x	
	3. Bản kê tài sản, tài chính	x	
	4. Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ	x	

3.3	Số lượng hồ sơ
	01 bộ (bản chính)
3.4	Thời gian xử lý
	45 ngày làm việc kể từ ngày Phòng Nội vụ nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả
	- Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Cách 2: Qua hệ thống bưu chính. - Cách 3: Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố Hà Nội (dichvucong.hanoi.gov.vn)
3.6	Lệ phí
	Không có
3.7	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính
	Quyết định giải thể hội
3.8	Quy trình xử lý công việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định. - Nộp hồ sơ.	Tổ chức, cá nhân		Theo mục 3.2
B2	- Tiếp nhận hồ sơ - Ký giao nhận Hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	- Chuyển hồ sơ đến Phòng Nội vụ		1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng Nội vụ chuyển hồ sơ đến công chức thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	01 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
				giải quyết hồ sơ
B4	Công chức Phòng Nội vụ thẩm định hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký), nêu rõ lý do. b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo bổ sung hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký); nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. c) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: công chức thực hiện theo Bước 5.	Công chức thẩm định; Lãnh đạo phòng xem xét, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản (nếu có)	10 ngày	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	5.1 Văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan - Công chức dự thảo văn bản lấy ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan; - Lãnh đạo Phòng kiểm tra dự thảo văn bản, ký nháy trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân D cấp huyện; - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản.	Công chức/ Lãnh đạo Phòng/ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	03 ngày	Văn bản (gửi kèm hồ sơ)
	5.2 Phát hành văn bản	Bộ phận văn thư	Ngay sau khi Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký văn bản	
	5.3 Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Phòng, ban,	10 ngày	

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	nghiên cứu hồ sơ, có ý kiến bằng văn bản gửi về Phòng Nội vụ	đơn vị liên quan		Văn bản
B6	Tổng hợp kết quả: a) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: công chức tổng hợp ý kiến của các phòng, ban, đơn vị liên quan, dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện về việc giải thể hội, trình Lãnh đạo Phòng. b) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: công chức tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản trả lời.	Công chức Phòng Nội vụ	05 ngày	Quyết định/ Văn bản
B7	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo các văn bản: - Nếu đồng ý: ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B6.	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	02 ngày	Hồ sơ kèm theo dự thảo văn bản
B8	Phê duyệt nội dung văn bản: - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản; - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B7.	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	01 ngày	Văn bản thẩm định
B9	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định về việc giải thể hội	Chủ tịch UBND cấp huyện	10 ngày	Quyết định
B10	- Tiếp nhận, trả kết quả; - Thống kê và theo dõi:	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Quyết định/Văn bản; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
	Trường hợp hồ sơ quá ngày hẹn trả kết quả theo quy định, dự thảo văn bản xin	Công chức Phòng Nội vụ	Giờ hành	Phiếu xin lỗi và hẹn

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả cho tổ chức/cá nhân biết.		chính	lại ngày trả kết quả
B11	Lưu hồ sơ	Công chức Phòng Nội vụ	01 ngày	Quyết định; Hồ sơ
4.	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai			
	Đơn đề nghị giải thể hội (theo Mẫu số 14 kèm theo Quyết định số 780 /QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ).			
5.	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính			
	a) Hội thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật tại trụ sở của hội, văn phòng đại diện (nếu có) trong thời gian 30 ngày làm việc. b) Hoàn thành thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của hội khi xin giải thể mà không có đơn khiếu nại.			

7. Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (QT - 25)

1	Mục đích: Quy định về trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn		
2	Phạm vi Hội hoạt động phạm vi huyện, xã. Công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Phòng Nội vụ và các cá nhân, tổ chức liên quan.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; - Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; - Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 780/QĐ-BNV ngày 05/11/2024 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; - Quyết định số 6672/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý nhà nước về hội; quỹ xã hội, quỹ từ thiện; công chức, viên chức thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị được hoạt động trở lại của hội	x	
	2. Báo cáo của ban chấp hành hội và các tài liệu chứng minh hội đã khắc phục sai phạm (theo mẫu)	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ (bản chính)		

3.4	Thời gian xử lý			
	30 ngày làm việc kể từ ngày Phòng Nội vụ nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Cách 1: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Cách 2: Qua hệ thống bưu chính. - Cách 3: Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố Hà Nội (dichvucong.hanoi.gov.vn)			
3.6	Lệ phí			
	Không có			
3.7	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính			
	Quyết định cho phép hội hoạt động trở lại			
3.8	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định. - Nộp hồ sơ.	Tổ chức, cá nhân		Theo mục 3.2
B2	- Tiếp nhận hồ sơ - Ký giao nhận Hồ sơ, ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	- Chuyển hồ sơ đến Phòng Nội vụ		1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B3	Lãnh đạo Phòng Nội vụ chuyển hồ sơ cho công chức thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	01 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	Công chức thẩm định hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký), nêu rõ lý do.	Công chức/ Lãnh đạo phòng/ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	05 ngày	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ;

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo bổ sung hồ sơ (Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký); nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. c) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: công chức thực hiện theo Bước 5.			Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	5.1 Văn bản xin ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan - Công chức dự thảo văn bản xin ý kiến các phòng, ban, đơn vị có liên quan; - Lãnh đạo Phòng kiểm tra dự thảo văn bản, ký nháy trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký văn bản.	Công chức/ Lãnh đạo Phòng/ Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	02 ngày	Văn bản (gửi kèm hồ sơ)
	5.2 Phát hành văn bản	Bộ phận văn thư	Ngay sau khi Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký văn bản	
	5.3 Các phòng, ban, đơn vị liên quan nghiên cứu hồ sơ, có ý kiến bằng văn bản gửi về Phòng Nội vụ	Phòng, ban, đơn vị liên quan	07 ngày	Văn bản
B6	Tổng hợp kết quả: a) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: công chức tổng hợp ý kiến của các phòng, ban, đơn vị liên quan, dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc cho phép hội hoạt động trở lại, trình Lãnh đạo Phòng.	Công chức Phòng Nội vụ	03 ngày	Quyết định/ Văn bản

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
	b) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện: công chức tổng hợp báo cáo, dự thảo văn bản trả lời.			
B7	Kiểm tra hồ sơ, dự thảo các văn bản: - Nếu đồng ý: ký nháy văn bản, trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B5.	Lãnh đạo Phòng Nội vụ	01 ngày	Hồ sơ kèm theo dự thảo văn bản
B8	Phê duyệt nội dung văn bản: - Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản; - Nếu không đồng ý: Chuyển lại B6.	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	01 ngày	Quyết định/Văn bản
B9	Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép hội hoạt động trở lại	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	07 ngày	Quyết định
B10	- Tiếp nhận, trả kết quả; - Thống kê và theo dõi:	Văn phòng (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả)	1/2 ngày	Quyết định/ Văn bản; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
	Trường hợp hồ sơ quá ngày hẹn trả kết quả theo quy định, dự thảo văn bản xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả cho tổ chức/cá nhân biết.	Công chức Phòng Nội vụ	Giờ hành chính	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
B11	Lưu hồ sơ	Công chức Phòng Nội vụ	01 ngày	Quyết định; Hồ sơ
4.	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai			
	Không có			
5.	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính			
	Hội đã khắc phục hậu quả các vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận.			

(Xem tiếp Công báo số 265+266)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn